BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

----------o0o----------

KẾ HOẠCH
GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

(ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC)

NĂM HỌC 2021-2022

Hà Nội, tháng 7 năm 2021

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1692/ĐHYHN-ĐTĐH
V/v kế hoạch giảng dạy đại học năm học 2021-2022

Hà Nội, ngày 28 tháng 07 năm 2020

Kính gửi:

- Viện đào tạo Răng Hàm Mặt;
- Viện đào tạo YHDP và YTCC;
- Phân hiệu Thanh Hoá;
- Các Khoa, Bộ môn, Module và các Phòng, Ban trong Trường.

Năm học 2021-2022 Trường Đại học Y Hà Nội thực hiện đồng thời các chương trình đào tạo trình độ đại học sau:

1. Hệ bác sỹ từ Y1 đến Y6 bao gồm: Y khoa; Răng Hàm Mặt; Y học cổ truyền, BS Y học dự phòng.
2. Hệ cử nhân từ Y1 đến Y4 bao gồm: Điều dưỡng; Y tế công cộng; Xét nghiệm y học, Dinh dưỡng, Khúc xạ nhãn khoa.
3. Cử nhân Điều dưỡng liên thông từ cao đẳng hệ VLVH (khoá 18; 19; 20).
4. Văn bằng 2 Bác sỹ Y học dự phòng (từ khóa 6 đến khóa 9).

Do đặc điểm thực hiện nhiều chương trình đào tạo cũng như thực hiện việc đổi mới chương trình đào tạo (hệ bác sỹ Y khoa từ khoá tuyển sinh năm 2019, bác sỹ Răng Hàm Mặt và cử nhân Điều dưỡng từ khoá tuyển sinh năm 2018), việc xây dựng và thực hiện kế hoạch gặp một số khó khăn. Ban Giám hiệu gửi tới các Viện, Khoa, Bộ môn, Module và phòng ban kế hoạch giảng dạy đại học của Trường để xây dựng dự thảo kế hoạch năm học cho đơn vị mình. Các đơn vị trong quá trình thực hiện, nếu thấy bản kế hoạch có những điểm chưa hợp lý, xin gửi văn bản góp ý về Phòng Quản lý Đào tạo Đại học để tập hợp báo cáo Ban Giám hiệu xem xét và điều chỉnh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Chủ tịch Hội đồng trường (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT,ĐTĐH.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

BỘ Y TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

Nguyễn Hữu Tú

19/7/2021 10:21 SA

MỤC LỤC

		Trang
Kế hoạch khái quát năm học		
Phần 1.	**Trường quản lý và điều phối**	
1	Khối Y1 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa), Cử nhân Điều dưỡng CTTT	1-5
2	Khối Y2 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa), Cử nhân Điều dưỡng CTTT	6-11
3	Khối Y3 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa), Cử nhân Điều dưỡng CTTT	12-17
4	Khối Y4 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân (Điều dưỡng, Xét nghiệm y học, Khúc xạ nhãn khoa), Cử nhân Điều dưỡng CTTT	18-23
5	Khối Y5 Hệ BS (Y khoa, YHCT); Cử nhân Điều dưỡng CTTT	24-26
6	Khối Y6 Hệ BS (Y khoa, YHCT)	27-28
7	Cử nhân điều dưỡng liên thông từ khóa 18 đến 20	29-33
Phần 2.	**Viện Đào tạo YHDP và YTCC quản lý và điều phối**	
1	Bác sĩ YHDP từ Y1 đến Y6	34-39
2	Cử nhân YTCC từ Y1 đến Y4	40-43
3	Cử nhân Dinh dưỡng từ Y1 đến Y4	44-47
4	Bác sĩ YHDP văn bằng 2 (từ khóa 6 đến khóa 9)	48-51
Phần 3.	**Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt quản lý và điều phối**	
	Bác sỹ Răng Hàm Mặt từ Y1 đến Y6	52-57
Phần 4.	**Phân hiệu Thanh Hóa quản lý và điều phối**	
1	Bác sĩ Y khoa từ Y1 đến Y6	58-63
2	Cử nhân điều dưỡng từ Y1 đến Y2	64-65
3	Cử nhân điều dưỡng liên thông khoá 19	66

KẾ HOẠCH KHÁI QUÁT NĂM HỌC 2021-2022

1. Phân bố quỹ thời gian:

Tổng số thời gian: 52 tuần (từ 09/8/2021 đến 07/8/2022)

- Sinh hoạt đầu khoá, đầu năm học	01 tuần
- Nghỉ tết nguyên đán	02 tuần
- Dự trữ, nghỉ lễ	01 tuần
- Nghỉ hè	06 tuần
- Học	42 tuần

2. Thời gian (dự kiến) và một số việc cần lưu ý

- Các khối sinh viên tựu trường và sinh hoạt đầu năm học từ 09-15/8/2021.
- Học kỳ I có 21 tuần: Từ 16/8/2021 đến 09/01/2022.
- Học kỳ II có 22 tuần: Từ 10/01/2022 đến 26/6/2022 (tính cả tuần dự trữ).
- Khai giảng năm học mới: 05 tháng 9 năm 2021.
- Nghỉ tết nguyên đán: 02 tuần (từ 24/01/2022-06/02/2022).
- Tuyển sinh đại học năm 2022: tháng 7,8 năm 2022.
- Thi tốt nghiệp: Bác sỹ y khoa và cử nhân y khoa và Cử nhân liên thông: Kế hoạch và lịch cụ thể trong từng chương trình đào tạo kèm theo.
- Xây dựng kế hoạch năm học 2022-2023 và gửi tới các bộ môn trong tháng 7/2022.
- Nghỉ hè: Từ 27/6/2022 đến 07/8/2022.

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP
Năm học 2021 - 2022

Nghỉ hè 6 tuần

THÁNG	8/2021			9					10				11				12					01/2022				02				3					4				5				6					7			
Từ ngày	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1	8	15	22	29	6	13	20	27	3	10	17	24	31	7	14	21	28	7	14	21	28	4	11	18	25	2	9	16	23	30	6	13	20	27	4	11	18	25	1
đến ngày	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7	14	21	28	5	12	19	26	2	9	16	23	30	6	13	20	27	6	13	20	27	3	10	17	24	1	8	15	22	29	5	12	19	26	3	10	17	24	31	7
Tuần thứ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52

SINH HOẠT ĐẦU NĂM HỌC

học kỳ 1

Nghỉ thứ 2 (bù Tết dương lịch)

NGHỈ TẾT NGUYÊN ĐÁN 01/02

học kỳ 2 + 1 tuần dự trữ

Nghỉ thứ 2 (Bù Giỗ tổ Hùng Vương 10/03)

Nghỉ thứ 2+3 (bù 30/4+01/5)

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ
(BS. Y KHOA)

1 **Số lượng SV dự kiến:** **400**

1.1. Số lớp học tập: **4**

1.2. Số tổ học tập: **16**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	06/09/2021 - 23/01/2022	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
2	PHYE01P	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
4	S1.1	Module S1.1 - Định hướng đầu khóa	1,5/0,5		-CTSV + KTX + Y tế -ĐTĐH + TTKT -Đoàn Thanh niên		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
5	S1.2	Module S1.2 - Nguyên tử, phân tử, tế bào	4/1		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - Di truyền		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
6	S1.3	Module S1.3 - Mô và Phôi thai học	2/0,5		- Mô phôi - Giải phẫu bệnh - Y sinh truyền - Di truyền		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
7	S1.4	Module S1.4 - Cơ sở vật lý của các hoạt động sống và nguyên lý của một số kỹ thuật ứng dụng trong y học		3/1	- Y vật lý - Sinh lý học - Chẩn đoán hình ảnh - Y học hạt nhân	24/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
8	S1.5	Module S1.5 - Đại cương về hình thái, chức năng cơ thể người		1,5/0,5	- Giải phẫu - Sinh lý học - Sinh lý bệnh - MD		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	S1.6	Module S1.6 - Đại cương về Dược lý		3/0,5	- Dược lý - Gây mê hồi sức - Hồi sức cấp cứu - Y học hạt nhân - Khoa YHCT		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
10	S1.7	Module S1.7 - Các yếu tố môi trường, xã hội và hành vi liên quan đến sức khỏe		2,5/1,5	- Viện YHDP&YTCC - Y học gia đình		lý thuyết: 37,5tiết/ thực hành: 45tiết
11	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
12	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
		Tổng	**16,5/6,5**	**13,5/4**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thuỳ Linh
email: linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 Số lượng SV dự kiến: **50**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 3024/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	06/09/2021 - 23/01/2022	lý thuyết: 105tiết/ thực hành: 30tiết
2	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
3	GENB01	Sinh học	1,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
4		Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
5	ANAT01	Giải phẫu 1	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
7	POPU00	Dân số học		1/0	BM Dân số	24/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 15tiết
8	BIOP00	Lý sinh y học		2/1	BM Y vật lý		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9	CHEM00	Hóa học		2,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 38tiết/ thực hành: 16tiết
10		Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	GENB01	Sinh học		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
12	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
13	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
14	ANAT02	Giải phẫu 2		2/1	BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**15,5/6**	**14,5/3,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thuỳ Linh
email: linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN

Cử nhân Điều dưỡng

1 Số lượng SV dự kiến: **100**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 2905/QĐ-ĐHYHN về việc ban hànhKhung chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HSC-1	Module 1: Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	4/0/0		- Khoa ĐD-HS - Y đức và tâm lý y học - Tổ chức và quản lý y tế	06/09/2021 - 23/01/2022	lý thuyết: 60tiết
2	HSC-2.1	Module 2.1: Nguyên tử, Phân tử, tế bào	3/1/0		- Hóa học - Hóa sinh - Sinh học và DT		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
3	HSC-2.2	Module 2.2: Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	4,5/0,5/0		- Y vật lý - Giải phẫu - Sinh lý học - SLB-Miễn dịch - Mô phôi		lý thuyết: 67,5tiết/ thực hành: 15tiết
4	BSC-14.1	Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
5	BSC-11.1	Tiếng Anh 1	2/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 60tiết
6	HSC-2.3	Module 2.3: Một số vấn đề cơ sở		1,5/0,5/0	- Vi sinh - Ký sinh trùng - Khoa ĐD-HS	24/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
7	HSC-4.1	Module 4.1: Giao tiếp và GDSK trong thực hành điều dưỡng		4/1/0	- Khoa ĐD-HS - Y đức và tâm lý y học		lý thuyết: 75tiết/ thực hành: 30tiết
8	HSC-4.2	Module 4.2: Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 1		3/2/2	- Khoa ĐD-HS - Sinh lý học		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 45 tiết
9	BSC-13.1	GD thể chất 1+2		0/2/0	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
10	BSC-11.2	Tiếng Anh 1		2/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 60tiết
11	BSC-12	Tin học cơ bản		1/1/0	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**16,5/1,5/0**	**11,5/6,5/2**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thuỳ Linh
email: linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN
(CN Xét nghiệm y học + CN Khúc xạ nhãn khoa)

1 Số lượng SV dự kiến: **100 (XNYH: 50; KXNK: 50)**

1.1. Số lớp học tập: **2**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 3024/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	06/09/2021 - 23/01/2022	lý thuyết: 105tiết/ thực hành: 30tiết
2		Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
3	PHYS00	Sinh lý học	2/1		BM Sinh lý học		lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 20tiết
4	OPTI00	Nhập môn KXNK (CNKX)	1/1		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	LABB00	Xét nghiệm cơ bản (XNYH)	2/2		Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
8	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
9	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học	24/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
10	BIOP00	Lý sinh y học		1,5/0,5	BM Y vật lý		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
11		Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
12	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
13	POPU00	Dân số học (KXNK)		1/0	BM Dân số		lý thuyết: 15tiết
14	HIEM00	Mô phôi		1/1	BM Mô phôi		lý thuyết: 32tiết
15	INFO00	Tin học		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	**21,5/8**	**10/5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thuỳ Linh
email: linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 12

1 **Số lượng SV dự kiến:** **40**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 3499/QĐ-ĐHYHN, ngày..... về việc ban hành Tiến trình đào tạo Chương trình tiên tiến ngành Điều dưỡ

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất	06/09/2021 - 23/01/2022	thực hành: 60tiết
2	ENG101-1 ENG101-2 ENG101-3	Tiếng Anh chung 1,2,3	12/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 180tiết
3		Triết học Mác -Lê nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
4	GEN 103	Sinh học – Di truyền	1,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
5	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3		6/2,5	BM Giáo dục quốc phòng	24/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 105tiết/ thực hành: 30tiết
6		Kinh tế chính trị Mác-Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
7	ENG102-1 ENG102-2 ENG103-3	Tiếng Anh chuyên ngành TC 1,2,3		9/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 135tiết
8	BIO 100	Hóa sinh		1,5/0,5	BM Hóa sinh		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
9	SOC 100	Y xã hội học		2/0	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30tiết
10	GEN 100	Thống kê Y sinh học		1,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	**16,5/2,5**	**22/3,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thuỳ Linh
email: linhthuy@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ
(BS. Y KHOA)

1 Số lượng sinh viên: **396**

1.1. Số lớp học tập: **4 (Y2YK1+YK2+YK3+YK4)**

1.2. Số tổ học tập: **16 (từ tổ 1 đến tổ 16)** (2 tổ AUF 15+16)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.1	Module S2.1: Kiến thức và kỹ năng y khoa cơ bản	3/2/0		GDYH-KNTLS, Tâm lý-Y đức, YHGĐ, Nhóm PPD, Nội, Ngoại, SLB - MD, Lão khoa, Y SH-DT, TM, Nhi, HSCC, Khoa ĐD-HS, CĐHA, SKNN, Dịch tễ	16/8/2021-16/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết 45 tiết/ thực hành 52 tiết
2	S2.2	Module S2.2: Miễn dịch - Nhiễm trùng	3/0,5/0		Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CĐHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		lý thuyết 54 tiết/ thực hành 16 tiết
3	S2.3	Module S2.3: Huyết học	2/0,5/0,5		Mô phôi, Huyết học, Sinh lý, YSH-DT, Hóa sinh, Dược lý, CĐHA, Nhi		lý thuyết 36 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 20 tiết
4		Triết học Mác -Lênin	3/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 45 tiết
5	LANG01	Ngoại ngữ 3	3/0/0		Ngoại ngữ		lý thuyết 45 tiết
6	STAP00	Xác suất thống kê	1/1/0		Toán - Tin		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
7		Kinh tế chính trị		2/0/0	Lý luận chính trị	17/01/2022-03/7/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết 30 tiết
8	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	Giáo dục thể chất		/ thực hành 60 tiết
9	S2.4	Module S2.4: Da-cơ-xương-khớp		3/1/0,5	Giải phẫu, Dịch tễ, Ngoại, Dược lý, Sinh lý, CĐHA, GMHS, Hóa sinh, Mô phôi, Nội, PHCN, GPB, Vi sinh, Da liễu		lý thuyết 48 tiết/ thực hành 36 tiết/ lâm sàng 20 tiết
10	S2.5	Module S2.5: Tim mạch		4/0,5/0,5	Tim mạch, Giải phẫu, Sinh lý, Dược lý, GPB, Vi sinh, Mô phôi, Nhi, Hóa sinh, SLB-MD, CĐHA, YHGĐ, Ngoại		lý thuyết 60 tiết/ thực hành 18 tiết/ lâm sàng 20 tiết
11	S2.6	Module S2.6: Hô hấp		4/1/0,5	Giải phẫu, Sinh lý, CĐHA, Nội, Ngoại, YHDP, Mô phôi, SLB-MD, Dược lý, GPB, Truyền nhiễm, TMH, Lao, Vi sinh		lý thuyết 54 tiết/ thực hành 22 tiết/ lâm sàng 20 tiết
		Tổng	**15/4/0,5**	**13/3,5/1,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa
email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 Số lượng sinh viên: **49**

1.1. Số lớp học tập: 01 (Y2CT)

1.2. Số tổ học tập: 02 (CT: Tổ 17,18)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ	10/8/2020-08/01/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
2	MICR00	Vi sinh	2/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 28tiết
3	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
4	HIEM00	Mô phôi	2/1		BM Mô phôi		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
5	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 36tiết
6	IMMU00	Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 12tiết
7	PHYS01	Sinh lý 1	1,5/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
8	NUTR00	Dinh dưỡng &ATTP	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
9		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/01/2021-27/6/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
11	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
12	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật		2/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
13	PHYS02	Sinh lý 2		1,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 10tiết
14	SURP00	Phẫu thuật thực nghiệm		1,5/0,5	BM Phẫu thuật thực nghiệm		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	PARA00	Ký sinh trùng		2/1	BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
16	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
17	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM GDYH & KNTLS		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
18	STAP00	Xác suất thống kê		1/1	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**15,5/5,5**	**12,5/5,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa

email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

1 **Số lượng sinh viên:** **50**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2XN)**

1.2. Số tổ học tập: **04 (tổ 28+29+30+31)**

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	10/8/2020-08/01/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	thực hành: 30tiết
2	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 12tiết
3	OCCU00	Sức khỏe Nghề nghiệp	0,75/0,25		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 8tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
5	LABC01	Xét nghiệm TB1	1/2		GPBLS-Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
6	PARA01	Ký sinh trùng 1	2/1		VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	MICR01	Vi sinh 1	2/1		VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 34tiết/ thực hành: 30tiết
8	ENVI00	KHMT&SKMT	0,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 12tiết/ thực hành: 12tiết
9	BIOC01	Hóa sinh 1	2/1		HSLS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
10	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 36tiết
11		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
12		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/01/2021-27/6/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
13	PARA02	Ký sinh trùng 2		3/3	VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 90tiết
14	MICR02	Vi sinh 2		2/2	VS-KST LS-Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
15	BIOC02	Hóa sinh 2		1/1	HSLS-Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	PATI00	Sinh lý bệnh - MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
17	PHAR01	Dược lý		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
18	NUTR00	Dinh dưỡng &ATTP		2/0	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	**14,75/8,25**	**13,5/6,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa
email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÃN KHOA

1 Số lượng sinh viên: **45**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2KX)**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 26+27)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	10/8/2020-08/01/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	thực hành: 30tiết
2	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 12tiết
3	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
4	ANAP00	Giải phẫu và sinh lý mắt	1/0		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết
5	OPTA01	Quang học ứng dụng I	1/1		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	BIOC00	Hóa sinh	1/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
7	PHYO00	Quang sinh lý học	2/0		BM Y Vật lý/Mắt		lý thuyết: 28tiết
8	GEPH00	Quang hình học và quang Vật lý	2/0		BM Y Vật lý/Mắt		lý thuyết: 30tiết
9	OPTC00	Khúc xạ nhãn khoa cộng đồng	1/0		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết
10	OPTN00	Nhận thức thị giác & Sinh lý TK	3/0		BM Mắt		lý thuyết: 44tiết
11		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
13		Tư tưởng Hồ Chí Minh	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
12	PROC1A	Các NT nhãn khoa LSIA	1/1		BM Mắt		lý thuyết: 17tiết/ thực hành: 45tiết
14	PATI00	Sinh lý bệnh-MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch	11/01/2021-27/6/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
15	ORGM00	Tổ chức quản lý Y tế		1/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
16	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 24tiết
17	HEDU00	GD& nâng cao SK		1/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
18	PHAR01	Dược lý		1/1	BM Dược lý		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
19	AEDR00	Bệnh bán phần trước và y học lâm sàng		2/0	BM Mắt		lý thuyết: 30tiết
20	OPTA02	Quang học ứng dụng II		1/2	BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 74tiết
21	PROC1B	Các nguyên tắc NK lâm sàng IB		1/1	BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**19,5/4,5**	**9,5/7,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa

email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG

1 Số lượng sinh viên: **91**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2ĐD)**

1.2. Số tổ học tập: **4 (tổ 31+32+33+34)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HSC-4.3	Module 4.3: Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 2	3,5/1,5/4		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	10/8/2020-08/01/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết 60 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 180 tiết
2	NUR-5.1	Module 5.1: Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 1	5/1/6		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh, Hô hấp, TM, Nội tiết, Huyết học.		lý thuyết 75 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 270 tiết
3	BCS-13.3	Giáo dục thể chất 3	0/1/0		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
4	NUR-5.2	Module 5.2: Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 2		5/1/9	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh, Tiêu hóa, Tiết niệu, Cơ xương khớp, Thần kinh	11/01/2021-27/6/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết 75 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 405 tiết
5	BSC11.3	Ngoại ngữ 3		2/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
6	BCS-10	Giáo dục quốc phòng 1,2		5/0/0	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 90 tiết
		Tổng	**8,5/3,5/10**	**12/1/9**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa
email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 11

1 **Số lượng sinh viên:** **18**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2APN)**

1.2. Số tổ học tập: **1 tổ 41**

2 **Môn học, giờ học (có bản kèm theo)**

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 3499/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành Tiến trình đào tạo Chương trình tiên tiến ngành Điều dưỡng cập nhật

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ANT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu	10/8/2020-08/01/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
2	PHYSO00	Sinh lý học	2/1		BM Sinh lý học		lý thuyết: 25tiết/ thực hành: 20tiết
3	MICR00	Vi sinh	1/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	ENG103-1	Tiếng anh CN nâng cao 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
5	ENG103-2	Tiếng anh CN nâng cao 2	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	NRG202	Giao tiếp trong chăm sóc sức khoẻ	2/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 44tiết
7	PSY100	Tâm lý y học	2/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
8		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
9		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	11/01/2021-27/6/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
10	NRG200	Đại cương CSĐD		4/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 60tiết
11	NRG200L	TH Đại cương chăm sóc điều dưỡng		0/4	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		thực hành: 45tiết
12	PATH00	Sinh lý bệnh		2,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 38tiết
13	PHAR01	Dược lý		2/1	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 28tiết
14	NRG203	Kiểm soát nhiễm khuẩn		2/1	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 45tiết
15	NRG 312	Khám thực thể		2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết
16	NRG 312L	TH Khám thực thể		0/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		thực hành: 60tiết
17	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
		Tổng	**17/5**	**14,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng OLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa
email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** **420**
1.1. Số lớp học tập: **4**
1.2. Số tổ học tập: **16** từ 01 đến 16 (02 tổ AUF)
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	S2.7	Module S2.7 - Tiêu hóa	4,5/1,5/0,5		Nội, Ngoại, Mô phôi, Nhi, Truyền nhiễm, CĐHA, Giải phẫu, Hóa sinh, Dược lý, Sinh lý, Vi sinh, Sinh lý bệnh, Giải phẫu bệnh, Dinh dưỡng	Từ 16/8/2021 đến 09/1/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 66 tiết/ thực hành 40 tiết/ lâm sàng 24 tiết
2	S2.8	Module S2.8 - Khoa học thần kinh và hành vi	5/0,5/1		Thần kinh, Tâm thần, Ngoại, CĐHA, Giải phẫu, Giải phẫu bệnh, Mô phôi, Hóa sinh, Dược lý, Nhi, Sinh lý, Ký sinh trùng, Lão khoa, Mắt, Giáo dục sức khỏe, Tâm lý/		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 16 tiết/ lâm sàng 38 tiết
3	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1		BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 36tiết
4	RESE01	Nghiên cứu khoa học 1	1/1		BM Thống kê y học		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
6		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị	Từ 10/1/2022 đến 26/6/2022(Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết
7	S2.9	Module S2.9 - Nội tiết - Chuyển hóa		4/0,5/0,5	Nội, Nhi, Giải phẫu bệnh, Y học hạt nhân, Di truyền, Hóa sinh, Sinh lý học, CĐHA, Giải phẫu, Sinh lý bệnh, Dược lý, Mô phôi		lý thuyết 56 tiết/ thực hành 14 tiết/ lâm sàng 26 tiết
8	S2.10	Module S2.10 - Thận - Tiết niệu		5/0,5/0,5	Nội, Ngoại, Giải phẫu, Sinh lý học, Hóa sinh, SLB-MD, Vi sinh, Dược lý, CĐHA, Giải phẫu bệnh, Mô phôi. YHHN		lý thuyết 70 tiết/ thực hành 10 tiết/ lâm sàng 24 tiết
9	S2.11	Module S2.11 - Sinh dục Sinh sản		3/1/0,5	Phụ sản, YSH-DT, Dược lý, SLB-MD, Vi sinh, Mô phôi, Giải phẫu, Hóa sinh, CĐHA, Sinh lý học, Giải phẫu bệnh, Ngoại		lý thuyết 42 tiết/ thực hành 28 tiết/ lâm sàng 14 tiết
10	RESE02	Nghiên cứu khoa học 2		1/1	BM Thống kê y học		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	PHYE05	Y học thể dục thể thao		1/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
12		Kỹ năng y học 2		0/2	Các bộ môn liên quan		thực hành 60 tiết
		Tổng					

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 **Số lượng sinh viên:** **52**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 17;18)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 16/8/2021 đến 09/1/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	HEDU00	GDSK&NCSK	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 36tiết
4	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1		BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 32tiết
5	PANA00	Giải phẫu bệnh	2/1		BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 36tiết
6	PATH00	Sinh lý bệnh	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
7	PREC00	Tiền lâm sàng	0/4		BM GDYH & KNTLS		thực hành: 120tiết
8	THEO01	Lý luận cơ bản YHCT I	4/0		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 60tiết
9	GENB02	Di truyền		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền	Từ 10/1/2022 đến 26/6/2022(Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
10	PHAR01	Dược lý		3/1	BM Dược lý		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
11	INTE02	Nội cơ sở Y học hiện đại		3/3	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 7tuần
12	SURG02	Ngoại cơ sở Y học HĐ		3/2	BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 5tuần
13	THEO02	Lý luận cơ bản YHCT II		0/2	Khoa Y học cổ truyền		lâm sàng: 4tuần
14	PREC01	Tiền LS.YHCT1		0/1	Khoa Y học cổ truyền		thực hành: 30tiết
15	COMM01	Thực tập cộng đồng1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	20/7-02/8/2021	lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**12,5/7,5**	**10,5/10,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG

1 **Số lượng sinh viên:** **105**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3 ĐD)**

1.2. Số tổ học tập: **4 (tổ 32,33,34,35)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NUR-6.1	Điều dưỡng Sản phụ khoa	1,5/0,5/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	Từ 16/8/2021 đến 09/1/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
2	NUR-6.2	Điều dưỡng trẻ em	1,5/0,5/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 22,5 tiết/ thực hành 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
3	HSC-3	Quản lý điều dưỡng	1/1/0		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ thực hành 30 tiết
4	BSC-14.1	Triết học Mac - Lenin	3/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 45 tiết
5	BSC-14.2	Kinh tế chính trị	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
6	BSC-14.3	CNXH khoa học	2/0/0		Lý luận chính trị		lý thuyết 30 tiết
7	BSC-14.4	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	Lý luận chính trị	Từ 10/1/2022 đến 26/6/2022(Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết 30 tiết
8	MILI03	Giáo dục quốc phòng 3		2/1/0	Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 30 tiết/ thực hành 30 tiết
9	NUR-6.3	Điều dưỡng truyền nhiễm		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
10	NUR-6.4	Điều dưỡng cấp cứu - Hồi sức tích cực		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
11	NUR-6.7	Điều dưỡng cộng đồng		1/0/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 135 tiết
		Tổng	**11/2/6**	**7/1/9**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

1 **Số lượng sinh viên:** **78**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3XN)**

1.2. Số tổ học tập: **4 (tổ 28;29;30;31)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 16/8/2021 đến 09/1/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	ORGM00	TC&QL.YT	1/1		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	STAP00	Xác suất thống kê	2/0		BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
5	MOLP00	Bệnh học phân tử	1/2		KTYH (BM Bệnh học phân tử)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
6	BIOC03	Hóa sinh III	2/2		KTYH (BM HSLS)		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	CYHE00	Huyết học tế bào	2/2		KTYH (BM XNHH)		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
8	EPID03	Dịch tễ học một số bệnh phổ biến		2/0	BM Dịch tễ	Từ 10/1/2022 đến 26/6/2022(Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết
9	MICR03	Vi sinh III		2/3	KTYH (BM Vi sinh-KSTLS)		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
10	HEMC00	Huyết học đông máu		1/1	KTYH (BM XNHH)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	TRAN00	Huyết học truyền máu		1/1	KTYH (BM XNHH)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
12	LABC02	Xét nghiệm tế bào II		1/1	KTYH (BM GPBLS)		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	QUAL00	QLCLXN Y sinh		3/2	KTYH (BM KHXN)		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
		Tổng	**11/7**	**10/8**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÃN KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** **72**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3KX)**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 26;27)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	Từ 16/8/2021 đến 09/1/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	STAP00	Xác suất thống kê	2/0		BM Toán - Tin		lý thuyết: 30tiết
4	OCUL00	Vận nhãn và thị giác 2 mắt	3/0		BM Mắt		lý thuyết: 45tiết
5	LOWV01	Giới thiệu về khiếm thị	1/1		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	PHAR02	Dược lý nhãn khoa	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
7	CONL01	Kính tiếp xúc I	2/1		BM Mắt		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	PEDR00	Bệnh bán phần sau và Y học LS	2/0		BM Mắt		lý thuyết: 30tiết
9	PROC2A	Các nguyên tắc nhãn khoa LS IIA	1/1		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
10	PRET01	Thực hành TLS&TTCĐ I	0/2		BM Mắt		thực hành: 90tiết
11	NEDR00	Bệnh TK nhãn khoa &YHLS		2/0	BM Mắt	Từ 10/1/2022 đến 26/6/2022(Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết
12	LOWV02	Khiếm thị nâng cao		1/1	BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	OPTP00	Khúc xạ nhãn khoa trẻ em		2/0	BM Mắt		lý thuyết: 30tiết
14	CONL02	Kính tiếp xúc II		2/1	BM Mắt		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
15	ANOM00	Rối loạn thị giác và bài tập thị giác		2/2	BM Mắt		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
16	PROC2B	Các nguyên tắc nhãn khoa LS IIB		2/1	BM Mắt		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
17	PRET02	Thực hành TLS&TTCĐ II		0/2	BM Mắt		thực hành: 90tiết
		Tổng	**16/5**	**11/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 10

1 **Số lượng sinh viên:** **32**
1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3APN)**
1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 36;37)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NTR 100-1	Dinh dưỡng cơ bản	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP	Từ 16/8/2021 đến 09/1/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
2	NRG 450	Nghiên cứu điều dưỡng	3/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 2tuần
3	NRG 250	Chăm sóc Điều dưỡng Nội khoa trung cấp	2/0		BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 30tiết
4	NRG 250C	Thực hành Chăm sóc Điều dưỡng Nội khoa trung cấp	0/3		BM Nội tổng hợp		lâm sàng: 7tuần
5	NRG 251	Chăm sóc Điều dưỡng Ngoại khoa trung cấp	2/0		BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết
6	NRG 251C	Thực hành Chăm sóc Điều dưỡng Ngoại khoa trung cấp	0/3		BM Ngoại		lâm sàng: 7tuần
7	REV 000	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
8	NRG 353	Pháp luật chăm sóc sức khỏe	2/0		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết
9	NRG 341	Điều dưỡng sức khỏe tâm thần		3/0	BM Tâm thần	Từ 10/1/2022 đến 26/6/2022(Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 45tiết
10	NRG 341C	Thực hành Điều dưỡng sức khỏe tâm thần		0/3	BM Tâm thần		lâm sàng: 7tuần
11	NRG 260	Chăm sóc SK người cao tuổi		2/0	BM Lão khoa		lý thuyết: 30tiết
12	NRG 260C	Thực hành Chăm sóc SK người cao tuổi		0/2	BM Lão khoa		lâm sàng: 5tuần
13	NRG 372	Chăm sóc SK Phụ nữ		3/0	BM Phụ sản		lý thuyết: 45tiết
14	NRG 373C	Thực hành Chăm sóc SK Phụ nữ		0/3	BM Phụ sản		lâm sàng: 7tuần
15	NRG 110	Hệ thống CSSK		3/0	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 45tiết
16	SPM 100	YHTDTT		1/0	BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
		Tổng	**12,5/1,5**	**12/0**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đặng Thị Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** **492**

1.1. Số lớp học tập: **5**

1.2. Số tổ học tập: **20** từ 01 -20 (Có 02 tổ AUF:19+20)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**RADI00**	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	Từ 16/8/2021 đến 09/01/2022	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
2	**NUCM00**	Y học hạt nhân	1/1		BM Y học hạt nhân		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	**INTE04**	Nội bệnh lý 1	3/4		BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 10tuần
4	**SURG04**	Ngoại bệnh lý 1	3/4		BM Ngoại		lý thuyết: 50tiết/ lâm sàng: 10tuần
5	**RESE00**	Nghiên cứu khoa học	1/0		BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết
6	**OBGY01**	Sản - phụ khoa 1		3/4	BM Phụ sản	Từ ngày 10/01/2022 đến ngày 26/06/2022	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 10tuần
7	**PEDI01**	Nhi khoa 1		3/4	BM Nhi		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 10tuần
8	**EPID00**	Dịch tễ học		2/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9	**ORGM00**	Tổ chức và quản lý y tế		1/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
10	**OCCU00**	Sức khỏe nghề nghiệp		1,5/0,5	BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	**10/10**	**10,5/10,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 **Số lượng sinh viên:** **50**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 21;22)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**RADI00**	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	Từ 16/8/2021 đến 09/01/2022	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
2	**ORGM00**	Tổ chức và quản lý y tế	1/1		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	**INTE08**	Nội bệnh lý YHHĐ1	3/4		BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 9tuần
4	**SURG06**	Ngoại bệnh lý YHHĐ	2/1		BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
5	**OBGY07**	Sản phụ khoa YHHĐ	2/1		BM Phụ sản		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	**PEDI03**	Nhi khoa YHHĐ	2/1		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
7	**RESE00**	Nghiên cứu khoa học	1/0		BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết
8	**EPID00**	Dịch tễ học		1/1	BM Dịch tễ	Từ ngày 10/01/2022 đến ngày 26/06/2022	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	**REPH00**	Phục hồi chức năng		1/2	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
10	**ONCO00**	Ung thư		1/1	BM Ung thư		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	**DERM01**	Da liễu YHHĐ		1/1	BM Da liễu		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	**INFD00**	Truyền nhiễm		1/1	BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	**NEUR00**	Thần kinh		1/2	BM Thần kinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
14	**MENT00**	Tâm thần		1/1	BM Tâm thần		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
15	**ORLA00**	Tai mũi họng		1/1	BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 16tiết/ lâm sàng: 2tuần
16	**ALLE00**	Dị ứng và MDLS		1/1	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
17	**TUBL00**	Lao và bệnh phổi		0,5/0,5	BM Lao & Bệnh phổi		lý thuyết: 10tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**13/9**	**9,5/11,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG

1 **Số lượng sinh viên:** **65**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (34,35,36,37)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	BSC-14.5	Lịch sử Đảng CSVN	2/0/0		BM Lý luận chính trị	Từ 16/8/2021 đến 14/11/2021	lý thuyết: 30tiết
2	NUR-6.5	Điều dưỡng người cao tuổi	1/0/3		- Khoa ĐD-HS - BM Dinh dưỡng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	NUR-6.6	Điều dưỡng sức khỏe tâm thần	1/0/3		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	NUR-6.8	Điều dưỡng Phục hồi chức năng	1/0/3		- Khoa ĐD-HS - BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	NUR06.9	Điều dưỡng trong Y học cổ truyền	1/0/1		Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	NUR-7.1	ĐD CS giảm nhẹ (*)		1/0/2	- BM Ung thư - Khoa ĐD-HS	Học Điều dưỡng chuyên khoa tự chọn từ 30/01/2022 đến 10/4/2022 (Sinh viên chọn 3 trong 5 module)	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
7	NUR-7.2	ĐD hồi tỉnh sau phẫu thuật (*)		1/0/2	- BM Gây mê hồi sức - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
8	NUR-7.3	ĐD sơ sinh (*)		1/0/2	- BM Y sinh học DT - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
9	NUR-7.4	ĐD Tai mũi họng (*)		1/0/2	- BM Tai mũi họng - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
10	NUR-7.5	ĐD gia đình (*)		1/0/2	- Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 4tuần
11	NUR-8	Chuyên đề nghiên cứu		4/2/0	- BM Toán tin - Khoa ĐD-HS		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 60tiết
12	NUR-9	Thực tế và thi tốt nghiệp		0/6/5	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	25/4-22/5/2022	lâm sàng: 5tuần
		Tổng	**6/0/10**	**9/8/15**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC

1 **Số lượng sinh viên:** **57**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (32+33)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**RESE00**	Nghiên cứu khoa học	1/0		BM Thống kê tin học y học	Từ 16/8/2021 đến 09/01/2022	lý thuyết: 15tiết
2	**LAWS00**	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
3	**NFC00**	Kiểm soát nhiễm khuẩn bệnh viện	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	**PRAM00**	TH XN Vi sinh-KST	0/6		Khoa KTYH		lâm sàng: 5tuần
5	**PRAB00**	TH XN Hóa sinh	0/4		Khoa KTYH		lâm sàng: 3tuần
6	**HEML01**	XN HH nâng cao	2/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	**MICF00** **MOLP02** **LABC03**	Tự chọn: - XN vi sinh – KST trong VSATTP - Bệnh học phân tử II - XN tế bào III	1/1		Khoa KTYH		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	10/1/2022-27/4/2022	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
8	**PRAH03**	TH XN Huyết học		0/6	Khoa KTYH		lâm sàng: 5tuần
9	**PATP00**	TH XN Giải phẫu bệnh		0/4	Khoa KTYH		lâm sàng: 4tuần
10	**INTC00**	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Khoa KTYH	25/4/2022-22/5/2022	lâm sàng: 4tuần
11	**THEC00**	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Khoa KTYH và các Bộ môn có liên quan	25/5/2022-12/6/2022	
		Tổng	**7/13**	**8/17**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN KHÚC XẠ NHÃN KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** **57**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 30+31)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**LAWS00**	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	Từ 16/8/2021 đến 09/01/2022	lý thuyết: 30tiết
2	**RESE00**	Nghiên cứu khoa học	1/1		BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
3	**EPID03**	Dịch tễ học một số bệnh phổ biến	2/0		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết
4	**OPEN00**	Khúc xạ nhãn khoa nghề nghiệp và môi trường làm việc	1/0		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết
5	**OPTG00**	Khúc xạ lão khoa	1/0		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết
6	**CASE01**	Phân tích trường hợp lâm sàng I	1/0		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết
7	**CASE02**	Phân tích trường hợp lâm sàng II	1/0		BM Mắt		lý thuyết: 15tiết
8	**PRET03**	Thực hành tiền lâm sàng và thực tập cộng đồng III	0/6		BM Mắt		lâm sàng: 12tuần
9	**PESD00**	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế điều phối	Từ ngày 10/01/2022 đến ngày 27/3/2022	
10	**PRET04**	Thực hành tiền lâm sàng và thực tập cộng đồng IV		0/5	BM Mắt		lâm sàng: 10tuần
11	**INTC00**	Thực tế tốt nghiệp		0/5	BM Mắt	25/4/2022-22/5/2022	lâm sàng: 4tuần
12	**THEC00**	Chuyên đề lâm sàng/ Khóa luận tốt nghiệp		0/6	BM Mắt	25/5/2022-12/6/2022	
		Tổng	**9/7**	**2/18**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 9

1 **Số lượng sinh viên:** **47**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 38+39)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NRG 361	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	4/0		BM Nhi	Từ 16/8/2021 đến 09/01/2022	lý thuyết: 60tiết
2	NRG 361C	Thực hành CSSK trẻ em	0/3		BM Nhi		lâm sàng: 7tuần
3	NRG 331	Chăm sóc điều dưỡng tích cực	2/0		BM Hồi sức cấp cứu		lý thuyết: 30tiết
4	NRG 331C	Thực hành CSĐD tích cực	0/3		BM Hồi sức cấp cứu		lâm sàng: 7tuần
5	NRG 313	Điều dưỡng Truyền nhiễm	1/1		BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	NRG 451	Quản lý và lãnh đạo điều dưỡng		2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh	Từ ngày 11/01/2021 đến ngày 27/06/2021	lý thuyết: 30tiết
7	NRG 453A	Điều dưỡng Nội khoa nâng cao		1/0	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 15tiết
8	NRG 453AC	Thực hành ĐD Nội khoa nâng cao		0/2	BM Nội tổng hợp		lâm sàng: 5tuần
9	NRG 454A	Điều dưỡng Ngoại khoa nâng cao		1/0	BM Ngoại		lý thuyết: 15tiết
10	NRG 454AC	Thực hành ĐD Ngoại khoa nâng cao		0/2	BM Ngoại		lâm sàng: 4tuần
11	NRG 314	Điều dưỡng phục hồi chức năng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	NRG455E1 NRG455E2 NRG455E3 NRG455E4	Tự chọn 1: - Điều dưỡng gia đình - ĐD CS giảm nhẹ - ĐD Tai-Mũi-Họng - ĐD các bệnh tự miễn và dị ứng		2/2	Khoa ĐDHS và các Bộ môn liên quan		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
13	NRG 111 NRG 111C	Điều dưỡng cộng đồng		2/3	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
14	NRG456E1 NRG456E2 NRG456E3 NRG456E4 NRG456E5	Tự chọn 2: Thực tập tại mô hình BVQT (Nội/Ngoại/Sản/Nhi/CSTC)		0/4	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lâm sàng: 5tuần
		Tổng	**7/7**	**9/14**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Kim Ngân
email: kimngan@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** **491**
1.1. Số lớp học tập: **5**
1.2. Số tổ học tập: **20** (từ tổ 01 đến tổ 20)
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**
Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	**TRAM00**	Mắt	1/1	BM Mắt	Gồm Lý thuyết và Lâm sàng chia làm 2 kỳ: • Lâm sàng: Mỗi kỳ sinh viên đi 6 đợt, mỗi đợt 02 tuần - Kỳ 1: Từ 13/9/21-05/12/21 - Kỳ 2: Từ 07/03/22-29/5/22 • Lý thuyết: - Kỳ 1: Từ 16/8/21-12/9/21 - Kỳ 2: Từ 7/02/22-06/03/22	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
2	**INFD00**	Tai mũi họng	1/1	BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
3	**MENT00**	Da liễu	1/1	BM Da liễu		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
4	**REPH00**	Gây mê hồi sức	1/1	BM Gây mê hồi sức		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
5	**TUBL00**	Ung thư	1/1	BM Ung thư		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
6	**NEUR00**	Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	1/1	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
7	**FAMI00**	Truyền nhiễm	2/2	BM Truyền nhiễm	Gồm Lý thuyết và Lâm sàng chia làm 2 kỳ: • Lâm sàng: Mỗi kỳ sinh viên đi 6 đợt, mỗi đợt 03 tuần - Kỳ 1: Từ 20/9/21-23/01/22 - Kỳ 2: Từ 21/02/22-26/6/22 • Lý thuyết: - Kỳ 1: Từ 16/8/21-19/9/21 - Kỳ 2: Từ 03/01/22-20/02/22	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
8	**FORE00**	Thần kinh	1/2	BM Thần kinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
9	**ANET00**	Y học cổ truyền	2/1	Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
10	**ALLE00**	Lao và bệnh phổi	1/2	BM Lao & Bệnh phổi		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
11	**DERM00**	Tâm thần	2/1	BM Tâm thần		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
12	**ORLA00**	Phục hồi chức năng	1/2	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
13	**EYE00**	Y học gia đình	1/1	BM Y học gia đình	Kì 1: 5 nhóm (8 tuần: 29/11/21-23/01/22) Kì 2: 5 nhóm (12 tuần: 08/3-04/6/21)	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	**DENT00**	Y pháp	1/1	BM Y pháp	Chia làm 3 lớp từ 13/09-28/11/2021	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
15	**ONCO00**	Răng hàm mặt	1/1	Viện ĐT Răng Hàm Mặt	Chia 2 kỳ, mỗi kỳ 2 đợt 2 tuần: - Kỳ 1: 2 đợt Từ 06/12/21- 02/01/22 - Kỳ 2: 2 đợt Từ 30/5-26/6/22	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
16	**COMM01**	Thực tế cộng đồng II	0/1	BM Y học gia đình		lâm sàng: 2tuần
		Tổng	18/20			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 **Số lượng sinh viên:** **50**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2** (tổ 21-22)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	ACUP00	Châm cứu học	3/3	Khoa Y học cổ truyền	16/8-03/10/2021	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	PREC02	Tiền lâm sàng YHCT 2	0/1	Khoa Y học cổ truyền	08/11-28/11/2021	thực hành: 30tiết
3	TRME00	Phương pháp điều trị không dùng thuốc	2/2	Khoa Y học cổ truyền	04/10-07/11/2021	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
4	HERT00	Thuốc YHCT	3/3	Khoa Y học cổ truyền	08/11-26/12/2021	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 8tuần
5	PROC00	Chế biến dược liệu và thực vật dược	1/1	Khoa Y học cổ truyền	27/12-09/01/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
6	FORM00	Phương tễ	4/2	Khoa Y học cổ truyền	10/01-27/02/2022	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 4tuần
7	TRAC00	Tác phẩm kinh điển YHCT Việt Nam	1/0	Khoa Y học cổ truyền	04/04-10/04/2022	lý thuyết: 15tiết
8	INTE06	Nội bệnh lý YHCT 1	3/2	Khoa Y học cổ truyền	28/02-03/04/2022	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
9	GERT01	Bệnh học lão khoa YHCT	2/1	Khoa Y học cổ truyền	11/04-01/5/2022	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
10	WARM01	Ôn bệnh	1/0	Khoa Y học cổ truyền	02-08/5/22	lý thuyết: 15tiết
11	ORLS00	Bệnh học ngũ quan	1,6/0,4	Khoa Y học cổ truyền	09/05-22/05/2022	lý thuyết: 25tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	DERT00	Da liễu YHCT	1/1	Khoa Y học cổ truyền	23/5-05/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**22,6/16,4**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5
HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG CHƯƠNG TRÌNH TIÊN TIẾN KHÓA 8

1 **Số lượng sinh viên:** **49**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2** (tổ 41,42)

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	NRG452A NRG452AC	Chăm sóc ĐD tích cực nâng cao	2/4	BM Hồi sức cấp cứu	01/08-26/09/2021	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
2		Học lại và trả nợ 1 số môn Tự ôn thi		Các BM liên quan	27/09-17/10/2021	
3	NRG500C	Thực tế tốt nghiệp	0/4	Các BM liên quan	Từ 18/10-14/11/2021	lâm sàng: 4tuần
4	NRG500	Bảo vệ khóa luận	6/0	Các BM liên quan	Từ 15/11/2021- 28/11/2021	
		Tổng	8/8			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Thu Phương
email: lethuphuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA

1 **Số lượng sinh viên:** **441**

1.1. Số lớp học tập: **5**

1.2. Số tổ học tập: **18**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	OBGY02	Sản phụ khoa II	2/2		BM Phụ sản	Chia làm 2 đợt Đợt 1: 16/8/21-26/9/2021 Đợt 2: 27/9/2021-07/11/2021	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	PEDI02	Nhi khoa II	2/2		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 6tuần
3	INTE05	Nội Bệnh lý II	3/4		BM Nội tổng hợp	Chia làm 2 đợt Đợt 1: 08/11/2021-09/01/2022 Đợt 2: 10/01/2022-27/03/2022	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 9tuần
4	SURG05	Ngoại Bệnh lý II	2/4		BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 9tuần
5	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	Chiều T2,3,4,5 25/10/2021-09/1/2022	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
6	PHAR04 BIOM00	Tự chọn: Dược lý lâm sàng/Y sinh học lâm sàng	2/0		BM Dược lý Khoa KTYH	Chiều T4,5,6 16/08/2021-22/10/2021	lý thuyết: 30tiết
7	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan	25/4/2022-20/5/2022	lâm sàng: 4tuần
8	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Các BM liên quan	30/5/2022-10/6/2022	
		Tổng	**13/14**	**6/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học áp dụng theo lịch chạy

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền
Email: nguyenthehien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC CỔ TRUYỀN

1 **Số lượng sinh viên:** **33**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**INTE09**	Nội bệnh lý YHHĐ 2	3/2		BM Nội tổng hợp	16/08-24/09/2021	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	**SURG07**	Ngoại bệnh lý YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	18/10-05/11/2021	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	**OBGY06**	Sản phụ khoa YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	08/11-26/11/2021	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	**PEDI07**	Nhi YHCT	1/1		Khoa Y học cổ truyền	29/11-17/12/2021	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	**COMM02**	Thực tế cộng đồng 2 - YHCT	0/2		Khoa Y học cổ truyền	20/12-07/01/2022	lâm sàng: 2tuần
6	**PESD00**	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	27/9/2021-15/10/2021	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	**INTE07**	Nội bệnh lý YHCT 2		4/4	Khoa Y học cổ truyền	10/01/2022-25/03/2022	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 9tuần
8	**INTC00**	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Khoa Y học cổ truyền	25/4/2022-20/5/2022	lâm sàng: 4tuần
9	**THEC00**	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Khoa Y học cổ truyền	30/5/2022-10/6/2022	
		Tổng	**8/9**	**10/9**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học áp dụng theo lịch chạy

Giáo vụ khối: Nguyễn Thế Hiền
Email: nguyenthehien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 18B (liên thông từ Cao đẳng) - Lớp tại Hà Nội
(học lý thuyết ngoài giờ hành chính)

1 **Số lượng sinh viên:** **54**
1.1. Số lớp học tập: **1** (01 lớp học lý thuyết ngoài giờ hành chính)
1.2. Số tổ học tập: **2**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NURM00	Chăm sóc sức khỏe tâm thần	1/1		BM Tâm thần	10/2020-03/2021	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
2	NURR00	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng	1/1		BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
3	NURF00/ PALN00/ ALLN03/ ORLN00	Môn tự chọn (sinh viên chọn 01 trong 4 môn): Điều dưỡng gia đình; Điều dưỡng chăm sóc giảm nhẹ; Chăm sóc người bệnh có bệnh tự miễn và dị ứng; Chăm sóc người bệnh có bệnh về Tai mũi họng	1/1		Y học gia đình; Ung thư; Dị ứng-Miễn dịch; Tai mũi họng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4	INTC00	Thực tế tốt nghiệp	0/2		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		/ lâm sàng 90 tiết
5	GRAC00	Tốt nghiệp lâm sàng	0/2		BM Nội, Ngoại, Sản, Nhi		/ lâm sàng 90 tiết
6	GRAT00	Khóa luận tốt nghiệp	5/0		Phòng QLĐTĐH điều phối		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	**8/7**	**0/0**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Đặng Bích Ngọc
email: bichngocdang@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 19A (liên thông từ Cao đẳng) - Lớp tại Hà Nội
(học lý thuyết ngoài giờ hành chính)

1 **Số lượng sinh viên:** **61**
1.1. Số lớp học tập: **1** (01 lớp học lý thuyết ngoài giờ hành chính)
1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NURM00	Chăm sóc sức khỏe tâm thần		1/1	BM Tâm thần	Tháng 12/2021 đến tháng 5/2022	lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
2	NURR00	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
3	NURF00/ PALN00/ ALLN03/ ORLN00	Môn tự chọn (sinh viên chọn 01 trong 4 môn): Điều dưỡng gia đình; Điều dưỡng chăm sóc giảm nhẹ; Chăm sóc người bệnh có bệnh tự miễn và dị ứng; Chăm sóc người bệnh có bệnh về Tai mũi họng		1/1	Y học gia đình; Ung thư; Dị ứng-Miễn dịch; Tai mũi họng		lý thuyết 15 tiết/ lâm sàng 45 tiết
4	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/2	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		/ lâm sàng 90 tiết
5	GRAC00	Tốt nghiệp lâm sàng		0/2	BM Nội, Ngoại, Sản, Nhi		/ lâm sàng 90 tiết
6	GRAT00	Khóa luận tốt nghiệp		5/0	Phòng QLĐTĐH điều phối		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	**0/0**	**8/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Lê Lan Hương
email: lelanhuong@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 19B (liên thông từ Cao đẳng) - Lớp tại Hà Nội
(liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** **63**
1.1. Số lớp học tập: **1** (01 lớp học lý thuyết ngoài giờ hành chính)
1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng	0/1		Giáo dục quốc phòng	01/10/2020- 01/3/2021	thực hành: 30tiết
2	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế	1/0		Tổ chức và quản lý y tế		lý thuyết: 15tiết
3	RESN00	Nghiên cứu điều dưỡng	2/0		Khoa Điều dưỡng hộ sinh		lý thuyết: 30tiết
4	ENVI00	Khoa học môi trường - SKMT	1/0		Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 15tiết
5	OCCU00	Sức khỏe nghề nghiệp	0,75/0,25		Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 12tiết/ thực hành: 4tiết
6	TRAM00	Y học cổ truyền	1/1		Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết
7	NURP00	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	1/1		Nhi		lý thuyết: 15tiết
8	NURW00	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình	1/1		Phụ sản		lý thuyết: 15tiết
9	NURD00	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	2/1		Truyền nhiễm		lý thuyết: 30tiết
10	NURE00	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực	1/1		Hồi sức cấp cứu		lý thuyết: 15tiết
11	NURM00	Chăm sóc sức khỏe tâm thần		1/1	Tâm thần	01/3/2021- 01/11/2021	lý thuyết: 15tiết
12	NURR00	Chăm sóc cho người cần được phục hồi chức năng		1/1	Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết
13	NURF00 PALN00 ALLN03 ORLN00	Môn tự chọn (sinh viên chọn 01 trong 4 môn): Điều dưỡng gia đình; Điều dưỡng chăm sóc giảm nhẹ; Chăm sóc người bệnh có bệnh tự miễn và dị ứng; Chăm sóc người bệnh có bệnh về Tai mũi họng		1/1	Y học gia đình; Ung thư; Dị ứng-Miễn dịch; Tai mũi họng		lý thuyết: 15tiết
14	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/2	Khoa Điều dưỡng hộ sinh		/ lâm sàng 90 tiết
15		Tốt nghiệp lâm sàng		0/2	Nội/Ngoại/Sản/ Nhi		/ lâm sàng 90 tiết
16		Khóa luận tốt nghiệp		5/0	Phòng QLĐTĐH điều phối		lý thuyết: 75tiết
		Tổng	**10,75/1,25**	**8/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Dương Xuân Hòa
email: duongxuanhoa@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 20A (liên thông từ Cao đẳng) - Lớp tại Hà Nội
(học lý thuyết ngoài giờ hành chính)

1 **Số lượng sinh viên:** 82
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 4
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	Tháng 8-12/2021	LT 30 tiết
2	LANG07	Ngoại ngữ chuyên ngành	2/0		BM Ngoại ngữ		LT 30 tiết
3	INFO00	Tin học	0,5/0,5		BM Toán - Tin		LT 8 tiết/TH 15 tiết
4	ANAT00	Giải phẫu	1/0,5		BM Giải phẫu		LT 16 tiết/TH 16 tiết
5	GENB03	Sinh học di truyền	0,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		LT 8 tiết/TH 15 tiết
6	PHYS00	Sinh lý học	1/0,5		BM Sinh lý học		LT 16 tiết/TH 16 tiết
7	MICR00	Vi sinh	1/0,5		BM Vi sinh		LT 15 tiết/TH 15 tiết
8	PARA00	Ký sinh trùng	1/0,5		BM Ký sinh trùng		LT 14 tiết/TH 15 tiết
9	COIN00	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong điều dưỡng	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		LT 15 tiết/TH 45 tiết
10	SKIL02	Kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng	0/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		/TH 30 tiết
11	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/2		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		LT 15 tiết/TH 60 tiết
12	HIEM00	Mô phôi		1/0,5	BM Mô phôi	Tháng 01/2022 đến tháng 05/2022	LT 15 tiết/TH 15 tiết
13	BIOC00	Hóa sinh		1/0,5	BM Hóa sinh		LT 15 tiết/TH 15 tiết
14	DIEN00	Dinh dưỡng tiết chế		0,75/0,25	BM Dinh dưỡng & ATTP		LT 12 tiết/TH 7,5 tiết
15	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học		1/0	BM Y đức và Tâm lý học		LT 15 tiết
16	HEDU03	Giáo dục sức khỏe trong thực hành ĐD		0/1	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		/TH 45 tiết
17	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		1,5/0	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		LT 22,5 tiết
18	MANU0	Quản lý điều dưỡng		1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		LT 15 tiết
19	PHAR01	Dược lý		1/0,5	BM Dược lý		LT 15 tiết/TH 15 tiết
20	EPID00	Dịch tễ học		1/0	BM Dịch tễ		LT 15 tiết
21	RESN00	Nghiên cứu điều dưỡng		2/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		LT 30 tiết
22	NURS03	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I, II		2/2	BM Nội tổng hợp		LT 30 tiết
23	NURI03	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I, II		2/2	BM Ngoại		LT 30 tiết
24	MILI08	Giáo dục quốc phòng		0/1	BM Giáo dục quốc phòng	Tháng 06/2022 đến tháng 10/2022	/TH 30 tiết
25	ORGM00	Tổ chức và quản lý y tế		1/0	BM Tổ chức & Quản lý y tế		LT 15 tiết
26	ENVI00	Khoa học môi trường - SKMT		1/0	BM Sức khỏe môi trường		LT 15 tiết
27	OCCU00	Sức khỏe nghề nghiệp		0,75/0,25	BM Sức khỏe nghề nghiệp		LT 12 tiết/TH 4 tiết
28	TRAM00	Y học cổ truyền		1/1	Khoa Y học cổ truyền		LT 15 tiết/ LS 45 tiết
29	NURP00	Chăm sóc sức khỏe trẻ em		1/1	BM Nhi		LT 15 tiết/ LS 45 tiết
30	NURW00	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia đình		1/1	BM Phụ sản		LT 15 tiết/ LS 45 tiết
31	NURD00	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm		2/1	BM Truyền nhiễm		LT 30 tiết/ LS 45 tiết
32	NURE00	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và chăm sóc tích cực		1/1	BM Hồi sức cấp cứu		LT 15 tiết/ LS 45 tiết
		Tổng	**11/7**	**23/13**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Lâm Văn Chiến

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 20B (liên thông từ Cao đẳng) - Lớp tại Hà Nội
(liên thông từ Cao đẳng)

1 **Số lượng sinh viên:** **100** (dự kiến)
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **4**
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	10/2020 - 03/2021	lý thuyết: 30tiết
2	LANG07	Ngoại ngữ chuyên ngành	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
3	INFO00	Tin học	0,5/0,5		BM Toán - Tin		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
4	GENB03	Sinh học di truyền	0,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 15tiết
5	ANAT00	Giải phẫu	1/0,5		BM Giải phẫu		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 16tiết
6	PHYS00	Sinh lý học	1/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 16tiết
7	MICR00	Vi sinh	1/0,5		BM Vi sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
8	PARA00	Ký sinh trùng	1/0,5		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 14tiết/ thực hành: 15tiết
9	COIN00	Kiểm soát nhiễm khuẩn trong điều dưỡng	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
10	SKIL02	Kỹ năng giao tiếp trong điều dưỡng	0/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		thực hành: 30tiết
11	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/2		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 60tiết
12	HIEM00	Mô phôi		1/0,5	BM Mô phôi	3/2021 - 9/2021	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
13	BIOC00	Hóa sinh		1/0,5	BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
14	DIEN00	Dinh dưỡng tiết chế		0,75/0,25	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 12tiết/ thực hành: 7,5tiết
15	PSYE00	Tâm lý y học - Đạo đức y học		1/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 15tiết
16	HEDU03	Giáo dục sức khỏe trong thực hành ĐD		0/1	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		thực hành: 45tiết
17	PATI00	Sinh lý bệnh - Miễn dịch		1,5/0	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22,5tiết
18	MANU0	Quản lý điều dưỡng		1/0	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết
19	PHAR01	Dược lý		1/0,5	BM Dược lý		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
20	EPID00	Dịch tễ học		1/0	BM Dịch tễ		lý thuyết: 15tiết
21	NURS03	CSSK người lớn có bệnh Nội khoa I, II		2/2	BM Nội tổng hợp		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
22	NURI03	CSSK người lớn có bệnh Ngoại khoa I, II		2/2	BM Ngoại		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
		Tổng	**11/7**	**12,25/6,75**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Giáo vụ khối: Nguyễn Thuỳ Linh
email: linhthuy@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 **Số lượng SV dự kiến:** **80**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3,4	5/3,5		BM Giáo dục quốc phòng	16/08/2021-23/1/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 88tiết/ thực hành: 56tiết
2		Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 75tiết
3	ANAT01	Giải phẫu 1	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 33tiết
4	GENB01	Sinh học	1,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
5	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	POPU00	Dân số	1/0		BM Dân số		lý thuyết: 15tiết
7	GENB01	Sinh học	1,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
8	BIOP00	Lý sinh		2/1	BM Y vật lý	11/01/2021-21/6/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 32tiết
9	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 8tiết/ thực hành: 20tiết
10	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
11	ANAT02	Giải phẫu 2		2/1	BM Giải phẫu		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 33tiết
12	CHEM00	Hóa học		2,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 38tiết/ thực hành: 16tiết
13		Kinh tế chính trị		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 75tiết
14	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
		Tổng	**17/5,5**	**12/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 Số lượng sinh viên: **83**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 23-26)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ	16/08/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
2	MICR00	Vi sinh	2/1		BM Vi sinh		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 28tiết
3	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 30tiết
4	HIEM00	Mô phôi	2/1		BM Mô phôi		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 31tiết
5	NURB00	Điều dưỡng cơ bản	1/1		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 41tiết
6	IMMU00	Miễn dịch	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 12tiết
7	PHYS01	Sinh lý 1	1,5/0,5		BM Sinh lý học		lý thuyết: 20tiết/ thực hành: 8tiết
8	NUTR00	Dinh dưỡng &ATTP	1,5/0,5		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
9		CNXHKH		2/0	Bộ môn lý luận chính trị	10/01/2021-26/6/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
10	HCMI00	TT.Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học		1,5/0,5	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 34tiết
12	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật		2/0	BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
13	PHYS02	Sinh lý 2		1,5/0,5	BM Sinh lý học		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 8tiết
14	SURP00	Phẫu thuật thực nghiệm		1,5/0,5	BM Phẫu thuật thực nghiệm		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 15tiết
15	PARA00	Ký sinh trùng		2/1	BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 29tiết/ thực hành: 30tiết
16	PHYE03	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
17	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 21tiết/ thực hành: 24tiết
18	STAP00	Xác suất thống kê		1/1	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**13,5/5,5**	**14,5/5,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 Số lượng sinh viên: **70**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **3 (Tổ 19-21)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	16/08/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	ENVI01	KHMT-SKMT 1	1,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 15tiết
4	HEDU01	GDSK&NCSK1	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
5	ECOH00	Kinh tế Y tế	2/0		BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 30tiết
6	PANA00	Giải phẫu bệnh	2/1		BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	PATH00	Sinh lý bệnh	1,5/0,5		BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
8	PREC00	Tiền lâm sàng	0/4		BM GDYH & KNTLS		thực hành: 120tiết
9	ORGM00	Tổ chức và QL.Y tế	2/2		BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
10	GENB02	Di truyền		1,5/0,5	BM Y sinh học di truyền	10/01/2022-26/6/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 20tiết
11	PHAR01	Dược lý		3/1	BM Dược lý		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
12	INTE01	Nội cơ sở		3/2	BM Y học gia đình		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	SURG01	Ngoại cơ sở		3/2	BM Ngoại		lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 5tuần
14	COMM01	TTCĐ1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	20/7/2022-02/8/2022	lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**13/9**	**10,5/1,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh

email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 **Số lượng sinh viên:** **60**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **3 (23-25)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	RADI00	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	16/08/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 40tiết
2	INTE03	Nội bệnh lý	4/2		BM Y học gia đình		lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 8tuần
3	SURG03	Ngoại bệnh lý	2/2		BM Ngoại		lý thuyết: 31tiết/ lâm sàng: 6tuần
4	POPU00	Dân số 2	2/1		BM Dân số		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 28tiết
5	PEDI00	Nhi	2/1		BM Nhi		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	OBGY00	Sản	2/1		BM Phụ sản		lâm sàng: 4tuần
7	GLOH00 HIVA00 ETHI01	Tự chọn 1: - Sức khỏe toàn cầu - HIV/AIDS - Đạo đức trong thực hành YHDP & YTCC		1/1	Sức khỏe toàn cầu Dịch tễ Y đức – xã hội học	10/01/2022-26/6/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	
8	EPID01	Dịch tễ 1		1/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 85tiết/ thực hành: 30tiết
9	HERE00	Sức khỏe sinh sản		2/0	BM Dân số		lý thuyết: 30tiết
10	ANSO00	Nhân học và xã hội học		1/1	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 18tiết/ thực hành: 24tiết
11	STAB00	Thống kê y sinh học		3/2	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
12	OCCU01	Sức khỏe nghề nghiệp 1		1,5/0,5	BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 8tiết
		Tổng	**14/8**	**9,5/5,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh

email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 **Số lượng sinh viên:** **87**
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **4 (27-30)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ	Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
1	FAMI00	Y học gia đình	3/1	BM Y học gia đình	16/08/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 90tiết
2	INFD00	Truyền nhiễm	2/1	BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	NEUR00	Thần kinh	1/1	BM Thần kinh		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	MENT00	Tâm thần	1/1	BM Tâm thần		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	TRAM00	Y học cổ truyền	1/1	Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
6	REPH00	Phục hồi chức năng	1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
7	RESE00	NCKH	3/1	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
8	TUBL00	Lao	1/1	BM Lao & Bệnh phổi		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
9	DENT00	Răng hàm mặt	0,5/0,5	Viện ĐT Răng Hàm Mặt	10/01/2022-26/6/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	ORLA00	Tai mũi họng	0,5/0,5	BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	EYE00	Mắt	0,5/0,5	BM Mắt		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	DERM00	Da liễu	0,5/0,5	BM Da liễu		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	ONCO00	Ung thư	0,5/0,5	BM Ung thư		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	ALLE00	Dị ứng -MD lâm sàng	0,5/0,5	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng		lý thuyết: 8tiết/ lâm sàng: 2tuần
15	EPID02	Dịch tễ 2	4/3	BM Dịch tễ		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 135tiết
16	HEDU02	Giáo dục sức khỏe 2	2/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 45tiết
17	COMM02	Thực tế cộng đồng 2	0/7	Viện ĐT YHDP&YTCC	27/06/2022-19/08/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**22/22**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh
email: damngocanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y HỌC DỰ PHÒNG

1 Số lượng sinh viên: **72**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (21=>24)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	NUTR02	Dinh Dưỡng và ATTP2	2/2		Viện ĐT YHDP&YTCC	16/08/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 28tiết
2	OCCU02	Sức khoẻ nghề nghiệp 2	2/2		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 32tiết
3	ENVI03	KHMT&SKMT 2 ,3	2,5/1,5		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 15tiết
4	INFD02	Truyền nhiễm 2	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
5	ONEH00I	Tự chọn 2: One health/ Nghiên cứu định tính/ Đo lường sức khỏe	1/1		Viện ĐT YHDP&YTCC		lý thuyết: 44tiết/ thực hành: 60tiết
6	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
7	INFC00 PROJ00 SCHO00	Tự chọn 3: Kiểm soát NKBV/Phát triển dự án/ Sức khỏe trường học		1/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	10/01/2022-26/6/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan		lâm sàng: 4tuần
9	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Thực hành nghiên cứu tự chọn		0/6	Các BM liên quan		
		Tổng	**10,5/9,5**	**1/12**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Đàm Thị Ngọc Anh

email: damngocanh@hmu.edu.vn

1 Số lượng SV dự kiến: **50**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 3024/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MALE00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị	16/8/2021 - 09/01/2022	lý thuyết: 45tiết
2		Kinh tế chính trị	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
4	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
5	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
6	BIOP00	Lý sinh y học		1,5/0,5	BM Y vật lý	10/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
7	POPU00	Dân số học		1/0	BM Dân số		lý thuyết: 15tiết
8	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học		lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 20tiết
9	INFO00	Tin học		1/1	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 32tiết
10	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
11	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
12	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất	Chia 2 đợt 2 kỳ	thực hành: 60tiết
13	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3		7/1	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 88tiết/ thực hành: 56tiết
		Tổng	**12,5/1,5**	**16/6**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998

email: luyenld@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG

1 Số lượng sinh viên: **53**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2YTCC)**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 35+36)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 3024/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất	16/8/2021 - 09/01/2022	thực hành: 45tiết
2	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 12tiết
3	OCCU01	Sức khỏe Nghề nghiệp1	1,5/0,5		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 8tiết
4	LANG03	Ngoại ngữ 3	2/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
5	PARA00	Ký sinh trùng	1/1		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
6	ENVI0q	KHMT&SKMT1	1,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 12tiết
7	BIOC00	Hóa sinh	1/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
8	HEDU01	Giáo dục sức khỏe & NCSK1	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9	HERE00	Sức khỏe sinh sản	2/0		BM Dân số		lý thuyết: 30tiết
10		CNXHKH		2/0	BM Lý luận chính trị	10/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 30tiết
11	NUTR01	DD&ATTP1		1,5/0,5	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 20tiết
12	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh		lý thuyết: 18tiết/ thực hành: 24tiết
13	HCMI00	TT.Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
14	ORGA00	Tổ chức Y tế		2/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 34tiết
15	PATI00	Sinh lý bệnh - MD		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
16	PHAR01	Dược lý		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
17	MANH00	Quản lý Y tế		2/2	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
18		Tự chọn: NC Định tính; Đo lường sức khỏe;One health		1/1	Viện ĐT YHDP&YTCC		
19	COMM01	Thực tế cộng đồng 1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	18/7/2022-31/7/2022	cộng đồng: 2tuần
		Tổng	**11,5/5,5**	**15/7**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998

email: luyenld@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG

1 **Số lượng sinh viên:** **41**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (38+39)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PHYE05	Y học thể dục thể thao	1/0		BM Giáo dục thể chất	16/8/2021 - 09/01/2022	lý thuyết: 15tiết
2	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
3	STAB00	Thống kê Y sinh học	3/2		BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
4	DISC00	Các bệnh thông thường	2/1		BM Y học gia đình		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
5	AIDF00	Sơ cấp cứu	2/2		BM Y học gia đình		lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 4tuần
6	POPU02	Dân số học II	2/1		BM Dân số		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	GLOH00	Sức khỏe toàn cầu		2/1	BM Sức khỏe toàn cầu	10/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
8	ANSO00	Nhân học và xã hội học Y tế		2/0	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30tiết
9	REPH01	PHCN dựa vào cộng đồng		1/1	BM Phục hồi chức năng		lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	EPID00	Dịch tễ học		1/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11	RESE01	NC khoa học I		1/1	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
12	RESE02	NC khoa học II		1/1	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13	ECOH01	Kinh tế Y tế I		2/0	BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 30tiết
14	ECOH02	Kinh tế Y tế II		1/1	BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
15	HEDU02	GDSK&NCSKII		2/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
16		Tự chọn I: NC định tính		1/1	BM Dân số		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**13/6**	**14/8**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998

email: luyenld@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN Y TẾ CÔNG CỘNG

1 Số lượng sinh viên: **34**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (tổ 40+41)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**LAWS00**	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	16/8/2021 - 09/01/2022	lý thuyết: 30tiết
2	**CATA00**	Phòng chống thảm họa	2/0		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 30tiết
3	**EPID04**	DTH ứng dụng trong YTCC	2/1		BM Dịch tễ		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 28tiết
4		Tự chọn 1: - One Health, - Đo lường sức khỏe	1/1		Sức khỏe toàn cầu - Giáo dục sức khỏe		
5		Tự chọn 2: - KSNK bệnh viện - Phát triển dự án - Sức khỏe trường học	1/1		BM Sức khỏe môi trường - BM Tổ chức quản lý y tế		
6	**ENVI02**	KHMT-SKMT 2	2/1		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28tiết
7	**OCCU02**	Sức khỏe nghề nghiệp 2	2/1		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 30tiết
8	**NUTR02**	DD&ATTP 2	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 26tiết
9	**THEC00**	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	10/01/2022 - 26/6/2022	
10	**POLH00**	Chính sách y tế		1,5/0,5	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 22.5tiết
11	**COMM02** **COMM03**	Thực tế cộng đồng 2, 3		0/5	Viện ĐT YHDP&YTCC		lâm sàng: 5tuần
12	**INTC00**	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 150tiết
13	**INTC00**	Chuyên đề LS/THNC tự chọn		0/6	Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 90tiết
		Tổng	**13/6**	**3.5/18.5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lê Đình Luyến, SĐT: 0944 833 998
email: luyenld@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 Số lượng SV dự kiến: **70**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **3**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số 3024/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MALE00	Triết học	3/0		BM Lý luận chính trị	16/8/2021 - 09/01/2022	lý thuyết: 45tiết
2		Kinh tế chính trị	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
3	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
4	ANAT00	Giải phẫu	2/1		BM Giải phẫu		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 33tiết
5	GENB03	Sinh học – Di truyền	2,5/0,5		BM Y sinh học di truyền		lý thuyết: 36tiết/ thực hành: 16tiết
6	BIOP00	Lý sinh y học		1,5/0,5	BM Y vật lý	10/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 16tiết
7	PHYS00	Sinh lý học		2/1	BM Sinh lý học		lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 20tiết
8	INFO00	Tin học		1/1	BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 24tiết/ thực hành: 32tiết
9	LANG02	Ngoại ngữ 2		2/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
10	CHEM00	Hóa học		1,5/0,5	BM Hóa học		lý thuyết: 23tiết/ thực hành: 16tiết
11	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
12	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3		7/1	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết: 88tiết/ thực hành: 56tiết
		Tổng	**12,5/1,5**	**15/6**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 Số lượng sinh viên: **77**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4** (37+38+39+40)

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LANG03	Ngoại ngữ III	2/0		BM Ngoại ngữ	16/8/2021 - 09/01/2022	lý thuyết: 30tiết
2	PHYE03	Giáo dục thể chất 3	0/1		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
3	PARA00	Ký sinh trùng	1/1		BM Ký sinh trùng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
4	PSYE00	Tâm lý -Đạo đức Y học	1,5/0,5		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 12tiết
5	BIOC00	Hóa sinh	2/1		BM Hóa sinh		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
6	SKIL01	Kỹ năng giao tiếp trong THDD	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
7	NUTB00	Dinh dưỡng cơ sở	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 30tiết
8	ENVI00	KHMT&SK môi trường	1,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 12tiết
9	HEDU00	GD& nâng cao sức khỏe	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
10		CNXHKH	2/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	SCIN00	Khoa học thực phẩm&DD	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 28tiết/ thực hành: 16tiết
12	NUTE00	Truyền thông và GD dinh dưỡng		1/1	BM Dinh dưỡng & ATTP	10/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 32tiết
13	HCMI00	TT.Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
14	MICR00	Vi sinh		1/1	BM Vi sinh		lý thuyết: 18tiết/ thực hành: 24tiết
15	ASSE00	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng		1/1	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
16	PATI00	Sinh lý bệnh – Miễn dịch		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 16tiết
17	PHAR03	Thuốc và Thực phẩm		2/0	BM Dược lý		lý thuyết: 28tiết
18	NUTD00	môn tự chon 1 (DD & các bệnh mãn tính không lây)		2/1	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 26tiết/ thực hành: 18tiết
19	NUTC01	DD cộng đồng& văn hóa XH		2/1	BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
20	COMM00	Thực tế cộng đồng		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC	18/7/2022-31/7/2022	Cộng đồng: 2tuần
		Tổng	**15/8**	**12,5/6,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 **Số lượng sinh viên:** **61**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **3 (tổ 40+41+42)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	REVO00	Lịch sử Đảng CSVN	2/0		BM Lý luận chính trị	16/8/2021 - 09/01/2022	lý thuyết: 45tiết
2	PHYE05	Y học TDTT	1/0		BM Giáo dục thể chất		lý thuyết: 15tiết
3	STAB00	Thống kê Y sinh học	1/1		BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết
4	RESE00	Nghiên cứu khoa học	1/1		BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 15tiết
5	NUTS00	Dinh dưỡng học đường	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 15tiết
6	NUTA00	Dinh dưỡng lứa tuổi	2/0		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 60tiết
7	NUTI00	Can thiệp dinh dưỡng	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 60tiết
8	SAFE00	An toàn vệ sinh thực phẩm	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 60tiết
9		Tự chọn II		2/1	BM Dinh dưỡng & ATTP	10/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 60tiết
10	INTE00	Nội khoa		3/2	BM Y học gia đình		lâm sàng: 3tuần
11	SURG00	Ngoại khoa		2/2	BM Ngoại		lâm sàng: 5tuần
12	PEDI00	Nhi khoa		2/2	BM Nhi		lâm sàng: 5tuần
13	RESU00	Hồi sức cấp cứu		2/1	BM Hồi sức cấp cứu		lâm sàng: 3tuần
		Tổng	**12/5**	**11/8**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ CỬ NHÂN DINH DƯỠNG

1 Số lượng sinh viên: **63**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **2 (42+43)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LAWS00	Nhà nước và pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học	16/8/2021 - 09/01/2022	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 5tuần
2	NUTT01	Dinh dưỡng điều trị	3/3		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 30tiết
3	NUTT02	Dinh dưỡng điều trị	3/2		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 46tiết/ thực hành: 92tiết
4	COOK00	Kỹ thuật chế biến thức ăn	1/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 32tiết/ thực hành: 100tiết
5	DIET01	Tư vấn dinh dưỡng tiết chế	2/1		BM Dinh dưỡng & ATTP		lý thuyết: 16tiết/ thực hành: 32tiết
6	THEC00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	10/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 44tiết
7	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Viện ĐT YHDP&YTCC		
8	INTC00	Chuyên đề LS/THNC tự chọn		6/0	Viện ĐT YHDP&YTCC		thực hành: 180tiết
		Tổng	**9/7**	**8/7**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI VĂN BẰNG 2
HỆ BS Y HỌC DỰ PHÒNG KHOÁ 6

1 **Số lượng sinh viên:** **32**
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **1**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số ĐVHT		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Dinh dưỡng và ATTP 2	3/2		BM Dinh dưỡng & ATTP	10/8/2020-30/3/2021	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
2		Sức khỏe nghề nghiệp 2	4/1		BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 45tiết
3		Thực địa cộng đồng 3	0/2		Viện ĐT YHDP&YTCC		cộng đồng: 2tuần
4		Ôn và thi tốt nghiệp chuyên ngành	0/15		Viện ĐT YHDP&YTCC		
		Tổng	**7/18**				

Ôn tập thi thực hành, lý thuyết chuyên ngành Y học dự phòng. Thi tốt nghiệp lý thuyết theo đợt thi tốt nghiệp của điều dưỡng liên thông khóa 15.

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện đào tạo YHDP&YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI VĂN BẰNG 2
HỆ BS Y HỌC DỰ PHÒNG KHOÁ 7

1 Số lượng sinh viên: **24**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **1**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số ĐVHT		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Truyền nhiễm	3/2		BM Truyền nhiễm	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 3tuần
2		Y học cổ truyền	2/2		Khoa Y học cổ truyền	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
3		Lao	2/1		BM Lao & Bệnh phổi	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
4		Phục hồi chức năng	2/2		BM Phục hồi chức năng	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
5		Thần kinh	2/1		BM Thần kinh	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
6		Tâm thần	2/1		BM Tâm thần	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
7		Thống kê Y sinh học	3/2		BM Thống kê tin học y học		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
8		Giáo dục sức khỏe 2	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
9		KHMT&SKMT1	3/1		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
10		Giáo dục sức khỏe 1		1/1	BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
11		Thực địa cộng đồng 2		0/2	Viện ĐT YHDP&YTCC	Học cùng Y5YHDP	thực hành: 60tiết
12		Răng hàm mặt		2/1	Viện ĐT Răng Hàm Mặt	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
13		Tai mũi họng		2/1	BM Tai Mũi Họng	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
14		Mắt		2/1	BM Mắt	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
15		Da liễu		2/1	BM Da liễu	Học cùng BSLT K5	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
16		Dị ứng		2/1	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
17		Ung thư		2/1	BM Ung thư	Học cùng Y5YHDP	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 2tuần
18		Dịch tễ 2		3/2	BM Dịch tễ		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
19		Sức khỏe toàn cầu		1/1	BMSức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**20/13**	**17/12**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH, Viện ĐT YHDP & YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI VĂN BẰNG 2
HỆ BS Y HỌC DỰ PHÒNG KHOÁ 8

1 **Số lượng sinh viên:** **26**
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **1**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số TC		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	Học cùng Y4 YHDP	lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 40tiết
2		Ngoại bệnh lý	2/2		BM Ngoại	Học cùng Y4 YHDP	lý thuyết: 31tiết/ lâm sàng: 6tuần
3		Nhi	2/1		BM Nhi	Học cùng Y4 YHDP	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 4tuần
4		Sản	2/1		BM Phụ sản	Học cùng Y4 YHDP	lâm sàng: 4tuần
5		Kinh tế y tế	2/0		BM Kinh tế Y tế		lý thuyết: 30tiết
6	LAWS00	Nhà nước và Pháp luật	2/0		BM Y đức và Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
7		Tư tưởng Hồ Chí Minh	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
8		Sức khỏe toàn cầu	1/1		BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
9		Sức khỏe môi trường 1	1,5/0,5		BM Sức khỏe môi trường		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
10		Giáo dục sức khỏe 1	1/1		BM Giáo dục sức khỏe		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
11		Đường lối cách mạng		3/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
12		Dịch tễ 1		1/1	BM Dịch tễ		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
13		Dân số 2		2/1	BM Dân số		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
14		Nhân học và xã hội học y học		1/1	BM Sức khỏe toàn cầu		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
15		Tổ chức và quản lý y tế		2/2	BM Tổ chức & Quản lý y tế		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
16		Sức khỏe nghề nghiệp1		1,5/0,5	BM Sức khỏe nghề nghiệp		lý thuyết: 22tiết/ thực hành: 8tiết
17		Sức khoẻ sinh sản		2/0	BM Dân số		lý thuyết: 30tiết
18		Dinh dưỡng và ATTP 1		1,5/0,5	BM Dinh dưỡng & ATTP		thực hành: 15tiết
19		Nội bệnh lý		4/2	BM Y học gia đình	Học cùng Y4 YHDP	lý thuyết: 60tiết/ lâm sàng: 4tuần
20	SKIL00	Kỹ năng giao tiếp		1/1	BM GDYH & KNTLS		lý thuyết: 21tiết/ thực hành: 24tiết
21		Thực tập YHDP 1		0/1	Viện ĐT YHDP&YTCC		lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**18,5/7,5**	**19/10**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH, Viện ĐT YHDP & YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO YHDP & YTCC

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI VĂN BẰNG 2
HỆ BS Y HỌC DỰ PHÒNG KHOÁ 9
(Dự kiến)

1 **Số lượng sinh viên:** **50**
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **2**
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Dược lý		3/1	BM Dược lý	1/11/2020-27/6/2021	lý thuyết: 45 tiết/thực hành: 30 tiết
2		Giải phẫu II		2/1	BM Giải phẫu		lý thuyết: 36 tiết/thực hành: 33 tiết
3		Giải phẫu bệnh		2/1	BM Giải phẫu bệnh		lý thuyết: 30 tiết/thực hành: 30 tiết
4		Phẫu thuật thực nghiệm		1,5/0,5	BM Phẫu thuật thực nghiệm		
5		Sinh lý bệnh		1,5/0,5	BM Sinh lý bệnh-Miễn dịch		lý thuyết: 24 tiết/thực hành: 20 tiết
6		Tiền lâm sàng		1,5/4	BM GDYH & KNTLS		lý thuyết: 22 tiết/thực hành: 8 tiết
7		Mô phôi		2/1	BM Mô phôi		thực hành: 120 tiết
8		Nội cơ sở		3/2	BM Y học gia đình		lý thuyết: 36 tiết/thực hành: 31 tiết
9		Ngoại cơ sở		3/2	BM Ngoại		lý thuyết: 45 tiết/lâm sàng: 2 tuần
10		Điều dưỡng cơ bản		1/1	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh		lý thuyết: 45 tiết/lâm sàng: 5 tuần
		Tổng		**20,5/14**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH, Viện ĐT YHDP & YTCC cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Trần Kim Thanh
email: trankimthanh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng SV dự kiến:** **80**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y1RHM)**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số ...../QĐ-ĐHYHN ngày .../07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (rà soát chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FOOR00	Định hướng & sinh hoạt đầu khoá	1,5/0,5		Phòng công tác HSSV, Thư viện, Hành chính	16/8/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 22,5tiết
2	AMCE00	Nguyên tử, phân tử, tế bào	5,5/1,5		BM Hoá học, Hoá sinh, Sinh học		lý thuyết: 82,5tiết/ thực hành: 45tiết
3	HAPH00	Đại cương về hình thái, chức năng cơ thể người	3/0,5		BM GP, Mô phôi, Sinh lý, Miễn dịch		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
4	PLMA00	Cơ sở vật lý của các hoạt động sống & ứng dụng trong y học	4/1		BM Y vật lý, Y học hạt nhân		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
5	ENGL01	Tiếng Anh I	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
6	PHYL00	Triết học Mác Lênin		3/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
7	HOSY00	Các hệ cơ quan		6,5/1,5	BM Giải phẫu, Mô phôi, Sinh lý, sinh lý bệnh	10/01/2022-26/06/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 97,5tiết/ thực hành: 45tiết
8	PHAR00	Đại cương về Dược lý học		1,5/0,5	BM Dược lý		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	SMIS00	Các vấn đề y tế và xã hội học		2/1	BM Nha cộng đồng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 45tiết
10	FEDU01	Giáo dục thể chất 1+2		0/2	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 90tiết
11	ENGL02	Tiếng Anh II		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
		Tổng	**17/3,5**	**16/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thanh Lâm
Email: thanhlam@hmu.edu.vn 0902244142

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 Số lượng sinh viên: **81**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y2RHM)**

1.2. Số tổ học tập: **04 (Tổ 19->22)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

Theo QĐ số ...../QĐ-ĐHYHN ngày .../07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (rà soát chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	FODE01	Khoa học nha khoa	3/1		BM Nha cơ sở	16/8/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
2	DEPR01	Thực hành nha khoa 1	3/3		BM Nha cơ sở		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 135tiết
3	BESC00	Khoa học hành vi	1,5/1		BM Răng trẻ em		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 45tiết
4	FODE00	Nha khoa cơ sở	3/1		BM Nha cơ sở		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
5	ENGL03	Tiếng Anh III		1/0	BM Ngoại ngữ	10/01/2022-26/06/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết
6	FEDU02	Giáo dục thể chất 3		0/1	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 45tiết
7	DEPR02	Thực hành nha khoa 2		3/3	BM Nha cơ sở		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 135tiết
8	PPDE01	PPD 1 - Tâm lý ĐĐ trong nha khoa		1/0,5	BM Răng trẻ em		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 22,5tiết
9	PPDE02	PPD2 - Các kỹ năng cần thiết để tự học và học tập suốt đời		1,5/1	BM Răng trẻ em		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 45tiết
10	POEM00	Kinh tế Chính trị Mác - Lê nin		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
11	PMAL00	Chủ nghĩa xã hội khoa học		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
		Tổng	**10,5/6**	**10,5/5,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Thanh Lâm

Email: thanhlam@hmu.edu.vn 0902244142

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** **83**

1.1. Số lớp học tập: **1 (Y3RHM)**

1.2. Số tổ học tập: **04 (Tổ 22->25)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số ...../QĐ-ĐHYHN ngày .../07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (rà soát chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học/Module	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MIED00	Giáo dục quốc phòng	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	16/8/2021-9/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 112,5tiết
2	CPHA00	Dược lý học lâm sàng	2/0		BM Dược lý		lý thuyết: 30tiết
3	ENGL04	Tiếng Anh IV	1/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 15tiết
4	CELE00	Tự chọn: Pháp nha /Ghi hình trong nha khoa	1/1		Module tự chọn		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
5	DEPR03	Thực hành nha khoa 3	2/3		Module Thực hành nha khoa		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 135tiết
6	PEDU04	Giáo dục thể chất 4	1/0		Module Giáo dục thể chất		Lý thuyết: 15 tiết
7	COHE01	Nha cộng đồng 1		2/2	BM Nha cộng đồng	10/01/2022-26/06/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
8	HVCP00	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
9	HCMI00	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2/0	BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 30tiết
10	STAL00	Nhà nước & Pháp luật		2/0	BM Y đức & Tâm lý học		lý thuyết: 30tiết
11	INTE00	Tin học Đại cương		0,5/0,5	BM Toán Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
12	DEPR04	Thực hành nha khoa 4		2/3	Module Thực hành nha khoa		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 135tiết
12	OUTP00	Thực tế cộng đồng		1/1	Module Thực tế cộng đồng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
		Tổng	**13/6,5**	**11,5/6,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Trà My

Email: nguyentramy@hmu.edu.vn 0983654186

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** **80**
1.1. Số lớp học tập: **1 (Y4RHM)**
1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 26->29)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số ...../QĐ-ĐHYHN ngày .../07/2021 về việc ban hành khung chương trình đào tạo RHM năm 2018 (rà soát chỉnh sửa năm 2021)

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ENGL05	Tiếng Anh 5	1/0		BM Ngoại ngữ	16/8/2021-9/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết
2	ODSC00	Bệnh lý miệng	1/2		Module Bệnh lý miệng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 90tiết
3	RDEN01	Nha khoa phục hồi 1	2/4		Module Nha khoa phục hồi		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 180tiết
4	OMFS01	Phẫu thuật miệng - Hàm mặt 1	3/4		Module Phẫu thuật miệng - Hàm mặt		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 180tiết
5	RDEN02	Nha khoa phục hồi 2		2/4	Module Nha khoa phục hồi	10/01/2022-26/06/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 180tiết
6	HUDI00	Bệnh học người		7,5/3,5	Module Bệnh học người		lý thuyết: 112,5tiết/ thực hành: 157,5tiết
			7/10	**9,5/7,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lương Minh Hằng
Email: minhhang@hmu.edu.vn
0904318104

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** **78**
1.1. Số lớp học tập: **1 (Y5H)**
1.2. Số tổ học tập: **04 (Tổ 23 - 26)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	LIFE00	Hỗ trợ sự sống cơ bản - nâng cao	1/3		BM BLM & PTHM	09/8/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 135tiết
2	MAXO00	Bệnh học miệng và hàm mặt	2/2		BM BLM & PTHM		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
3	ORTD00	Chỉnh nha	2/2		BM Chỉnh nha		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
4	SURO02	Phẫu thuật trong miệng II	2/2		BM Phẫu thuật trong miệng		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
5	ORLA00	Tai Mũi Họng	1/1		BM Tai Mũi Họng		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
6	DERM00	Da liễu	1/1		BM Da liễu		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
7	COMM02	Thực tế cộng đồng II	0/4		BM Nha cộng đồng		thực hành: 180tiết
8	FORE00	Y Pháp		1/1	BM Nha cộng đồng	10/01/2022-26/06/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
9	EYE00	Mắt		1/1	BM Mắt		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
10	TRAM00	Y học cổ truyền		1/1	Khoa Y học cổ truyền		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
11	INSD00	Truyền nhiễm		1/1	BM Truyền nhiễm		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
12	SUMA00	Phẫu thuật hàm mặt		2/2	BM BLM & PTHM		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
13	PROS03	Phục hình III		1/1	BM Phục hình - Viện ĐT RHM		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
		Tổng	**9/15**	**7/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Trà My
Email: nguyentramy@hmu.edu.vn 0983654186

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
VIỆN ĐÀO TẠO RĂNG HÀM MẶT

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ RĂNG HÀM MẶT

1 **Số lượng sinh viên:** **51**
1.1. Số lớp học tập: **1 (Y6H)**
1.2. Số tổ học tập: **02 (Tổ 25 - 26)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/8/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành ĐTĐH

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	PERI02	Nha chu II	2/2		BM Nha chu	09/8/2021-09/01/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
2	PROS04	Phục hình IV	2/2		BM Phục hình		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
3	EMEP00	Cấp cứu nhi cơ bản	1/1		BM Răng trẻ em		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
4	CARO00	Tự chọn: Các chương trình chăm sóc sức khỏe răng miệng/Thẩm mỹ răng hàm mặt	1/1		Viện Đào tạo RHM		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
5	DENP00	Răng trẻ em	2/3		BM Răng trẻ em		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 135tiết
6	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp		2/2	TTPTCTĐT	10/01/2022-26/06/2022 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
7	OPER00	Chữa răng và nội nha 2		2/2	BM Chữa răng Nội nha		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 90tiết
8	EMEM00	Cấp cứu hàm mặt		0,5/1,5	BM Bệnh lý miệng và PTHM		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 67,5tiết
9	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan		lâm sàng: 3tuần
10	THEC00	Thực hành nghiên cứu tự chọn/ Chuyên đề Lâm sàng		0/6	Các BM liên quan		thực hành: 270tiết
		Tổng	**8/9**	**4,5/16,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Viện ĐT RHM và Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Lương Minh Hằng
Email: minhhang@hmu.edu.vn 0904318104

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: **100**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 01→04)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	MILI00	Giáo dục quốc phòng 1,2,3	6/2,5		BM Giáo dục quốc phòng	06/9/2021 – 23/01/2022	lý thuyết: 90tiết/ thực hành: 75tiết
2	PHYE01 PHYE02	Giáo dục thể chất 1,2	0/2		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
3	S1.1	Module S1.1: Định hướng đầu khóa	1,5/0,5		- CTSV+KTX+ Y tế -ĐTĐH+TTKT		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
4	S1.2	Module S1.2: Nguyên tử, phân tử, tế bào	4/1		- Hóa học - Hóa sinh - Y sinh học - di		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
5	S1.3	Module S1.3: Mô và phôi thai học	2/0,5		- Mô phôi - Giải phẫu bệnh - Y sinh học - di		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
6	LANG01	Ngoại ngữ 1	3/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
7	S1.4	Module S1.4: Cơ sở vật lý của các hoạt động sống và		3/1	- Y vật lý - Sinh lý học - Chẩn đoán hình	24/01/2022 – 26/6/2022	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
8	S1.5	Module S1.5: Đại cương về hình thái, chức năng cơ thể		1,5/0,5	- Giải phẫu - Sinh lý học - Sinh lý bệnh -		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
9	S1.6	Module S1.6: Đại cương về Dược lý		3/0,5	- Dược lý - Gây mê hồi sức - Hồi sức cấp cứu		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
10	S1.7	Module S1.7: Các yếu tố môi trường, xã hội và hành vi		2,5/1,5	- Viện YHDP&YTCC - Y học gia đình		lý thuyết: 37,5tiết/ thực hành: 45tiết
11	LANG02	Ngoại ngữ 2		3/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 45tiết
12	INFO01	Tin học đại cương		0,5/0,5	BM Toán - Tin		lý thuyết: 7,5tiết/ thực hành: 15tiết
		Tổng	**16,5/6,5**	**13,5/4**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

GV khối: Nguyễn Thị Thu Hương
Email: thuhuongnt@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 Số lượng sinh viên: **105**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (từ tổ 1 đến tổ 4)**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Module S2.1: Kiến thức và kỹ năng y khoa cơ bản	3/2		Các BM liên quan	16/8/2020-09/01/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 60tiết
2		Triết học Mác - Lê Nin	3/0		BM Lý luận chính trị		lý thuyết: 45tiết
3		Nghiên cứu khoa học 1	1/0		BM Thống kê		lý thuyết: 15tiết
4		Module S2.2: Miễn dịch - Nhiễm trùng	3/0,5/		Các BM liên quan		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 15tiết
5		Module S2.3: Huyết học	2/1		Các BM liên quan		lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 15tiết
6		Ngoại ngữ 3	2/0		Ngoại ngữ		lý thuyết: 30tiết
7		Xác suất thống kê	1/1		BM Toán Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
8		Kinh tế chính trị		2/0	BM Lý luận chính trị	10/01/2021-26/6/2021 (Thời gian cụ thể sẽ có trên lịch chạy)	lý thuyết: 30tiết
9		Giáo dục thể chất 3		0/1	GDTC		thực hành: 30tiết
10		Module S2.4: Da-cơ-xương-khớp		3/1/0,5	Các BM liên quan		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
11		Module S2.5: Tim mạch		4/0,5/0,5	Các BM liên quan		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 15tiết
12		Module S2.6: Hô hấp		4/1/0,5	Các BM liên quan		lý thuyết: 60tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**15/4**	**13/3,5**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Trịnh Thị Hồng Nhung
Email: trinhthihongnhung@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y3 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng sinh viên:** **113**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 01→04)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ (LT/TH/LS)		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Module S2.7 - Tiêu hóa	4,5/1,5/0,5			Từ 16/8/2021 đến 20/2/2022 (Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	
2		Module S2.8 - Khoa học thần kinh và hành vi	5/0,5/1				
3		Module S2.9 - Nội tiết - Chuyển hóa	4/0,5/0,5				
4	INFO02	Tin học ứng dụng	1/1/0		BM Toán - Tin		
5		Nghiên cứu khoa học 1	1/1/0		BM Thống kê y học		
6		Chủ nghĩa xã hội khoa học	2/0/0		BM Lý luận chính trị		
7		Tư tưởng Hồ Chí Minh		2//0	BM Lý luận chính trị	Từ 21/2/2022 đến 12/6/2022(Thời gian cụ thể sẽ học theo lịch chạy và TKB)	
8		Module S2.10 - Thận - Tiết niệu		5/0,5/0,5			
9		Module S2.11 - Sinh dục Sinh sản		3/1/0,5			
10		Nghiên cứu khoa học 2		1/1/0	BM Thống kê y học		
11		Y học thể dục thể thao		0/1/0	BM Giáo dục thể chất	Từ 4/9/2021 đến 9/9/2021	
		Tổng	**17,5/4,5**	**11/3,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Hoàng Ngọc Thành
email: hoangngocthanh_hoasinh@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y4 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng sinh viên:** **112**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 01→04)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**RADI00**	Chẩn đoán hình ảnh	2/1		BM Chẩn đoán hình ảnh	16/8 - 29/8/2021	lý thuyết: 40tiết/ thực hành: 40tiết
2	**INTE04**	Nội bệnh lý 1	3/4		BM Nội tổng hợp	30/8-24/10/2021	lý thuyết: 54tiết/ lâm sàng: 10tuần
3	**EPID00**	Dịch tễ học	2/1		BM Dịch tễ	25/10 -7/11/2021	lý thuyết: 33tiết/ thực hành: 30tiết
4	**RESE00**	Nghiên cứu khoa học	1/0		BM Thống kê tin học y học	10/11-12/11/2021	lý thuyết: 12tiết
5	**SURG04**	Ngoại bệnh lý 1	3/4		BM Ngoại	8/11/2021-9/1/2022	lý thuyết: 50tiết/ lâm sàng: 10tuần
6	**NUCM00**	Y học hạt nhân		1/1	BM Y học hạt nhân	10/1-23/1/2022	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
7	**ORGM00**	Tổ chức và quản lý y tế		1/1	BM Tổ chức & Quản lý y tế	13/6-26/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 15tiết
8	**OBGY01**	Sản - phụ khoa 1		3/4	BM Phụ sản	21/2-17/4/2022	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 10tuần
9	**PEDI01**	Nhi khoa 1		3/4	BM Nhi	18/4-12/6/2022	lý thuyết: 45tiết/ lâm sàng: 10tuần
10	**OCCU00**	Sức khỏe nghề nghiệp		1,5/0,5	BM Sức khỏe nghề nghiệp	7/2 - 20/2/2022	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**11/10**	**9,5/10,5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể. Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Nga
email: nganguyen@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y5 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng sinh viên:** **117**
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **4 (Tổ 01→04)**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	**TRAM00**	Y học cổ truyền	2/1		Khoa Y học cổ truyền	Lý thuyết: 16/8- 19/8; LS luân khoa 20/9- 31/10/2021	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
2	**INFD00**	Truyền nhiễm	2/2		BM Truyền nhiễm	Lý thuyết: 20/8- 25/8; Lâm sàng luân khoa 13/12/2020- 23/01/2022	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
3	**MENT00**	Tâm thần	2/1		BM Tâm thần	Lý thuyết: 25/8- 31/8 Lâm sàng luân khoa 1/11/2021- 12/12/2021	lý thuyết: 30tiết/ lâm sàng: 3tuần
4	**REPH00**	Phục hồi chức năng	1/2		BM Phục hồi chức năng	Lý thuyết : 1/9- 6/9; LS luân khoa 20/9- 31/10/2021	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
5	**TUBL00**	Lao và bệnh phổi	1/2		BM Lao & Bệnh phổi	Lý thuyết: 7/9 - 13/9; Lâm sàng luân khoa: 13/12/2021- 23/01/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
6	**NEUR00**	Thần kinh	1/2		BM Thần kinh	Lý thuyết: 14/9- 17/9; Lâm sàng luân khoa 1/11/2021- 12/12/2021	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 3tuần
7	**FORE00**	Y Pháp		1/1	BM Y pháp	Lý thuyết và lâm sàng từ 3/1 - 23/1/2021	lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 45tiết
8	**ANET00**	Gây mê hồi sức		1/1	BM Gây mê hồi sức	Lý thuyết: 7/02 - 15/02; Lâm sàng luân khoa từ 14/3- 05/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
9	**ALLE00**	Dị ứng		1/1	BM Dị ứng và miễn dịch lâm sàng	Lý thuyết: 10/02 - 20/02; Lâm sàng luân khoa từ 14/3- 05/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
10	**DERM00**	Da liễu		1/1	BM Da liễu	Lý thuyết: 16/02- 18/02; Lâm sàng luân khoa từ 14/3- 05/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
11	**EYE00**	Mắt		1/1	BM Mắt	Lý thuyết: 28/02- 03/03; Lâm sàng luân khoa từ 14/3- 05/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
12	**ORLA00**	Tai mũi họng		1/1	BM Tai Mũi Họng	Lý thuyết: 04/03- 08/03; Lâm sàng luân khoa từ 14/3- 05/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
13	**DENT00**	Răng Hàm Mặt		1/1	Viện ĐT Răng Hàm Mặt	Lý thuyết; 09/03- 11/03; Lâm sàng luân khoa từ 14/3- 05/6/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
14	**ONCO00**	Ung thư		1/1	BM Ung thư	Lý thuyết; 30/5 - 05/6/2022; Lâm sàng luân khoa từ 6/6 - 3/7/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
15	**COMM01**	Cộng đồng 2		1/1	BM Y học gia đình	Lý thuyết, Lâm sàng luân khoa từ 6/6 - 3/7/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
16	**FAMI00**	Y học gia đình	1/1		BM Y học gia đình	Lý thuyết và lâm sàng từ 4/7 - 10/7/2022	lý thuyết: 15tiết/ lâm sàng: 2tuần
		Tổng	**10/11**	**9/9**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Ngân
email: nguyenthingan@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y6 - HỆ BÁC SỸ Y KHOA
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng sinh viên:** **73**
1.1. Số lớp học tập: **1**
1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số: 3024/QĐ-ĐHYHN, ngày 24/3/2016 về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
5	PESD00	Phát triển bản thân và tính chuyên nghiệp	2/2		TT PTCTĐT&TVNL Y tế XD chương trình chi tiết và điều phối	16/8/2021-29/8/2021	lý thuyết: 30tiết/ thực hành: 60tiết
3	INTE05	Nội Bệnh lý II	3/4		BM Nội tổng hợp	30/08/2021-24/10/2021	lý thuyết: 42tiết/ lâm sàng: 8tuần
4	SURG05	Ngoại Bệnh lý II	2/4		BM Ngoại	25/10/2021-19/12/2021	lý thuyết: 46tiết/ lâm sàng: 8tuần
1	OBGY02	Sản phụ khoa II	2/2		BM Phụ sản	20/12/2021-30/01/2021	lý thuyết: 36tiết/ lâm sàng: 6tuần
2	PEDI02	Nhi khoa II	2/2		BM Nhi	31/01/2021-13/03/2021	lý thuyết: 34tiết/ lâm sàng: 6tuần
6	PHAR04 BIOM00	Tự chọn: Dược lý lâm sàng/Y sinh học lâm sàng	2/0		BM Dược lý Khoa KTYH	14/03/2021-20/03/2021	lý thuyết: 30tiết
7	INTC00	Thực tế tốt nghiệp		0/5	Các BM liên quan	25/04/2021-22/5/2021	lâm sàng: 4tuần
8	THEC00	Chuyên đề lâm sàng/Khóa luận tốt nghiệp		6/0	Các BM liên quan	23/5/2021-12/06/2021	
		Tổng	**13/14**	**6/5**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học áp dụng theo lịch chạy

Giáo vụ khối: Nguyễn Thị Như Ngọc
Email: nhungocyhn@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y1 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
(TẠI PHÂN HIỆU THANH HÓA)

1 **Số lượng SV dự kiến:** **90**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)

3 **Khung chương trình:**

Theo QĐ số 3024/QĐ-ĐHYHN về việc ban hành tiến trình đào tạo 09 chuyên ngành đào tạo đại học

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học (dự kiến)	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1		Module 1: Giới thiệu hệ thống y tế và ngành nghề	4/0/0		Các BM liên quan	06/09/2021 - 23/01/2022	lý thuyết: 60tiết
2		Module 2.1: Nguyên tử, Phân tử, tế bào	3/1/0		Các BM liên quan		lý thuyết: 45tiết/ thực hành: 30tiết
3		Module 2.2: Hình thái, chức năng cơ thể và cơ sở vật lý của các hoạt động sống	4,5/0,5/0		Các BM liên quan		lý thuyết: 67,5tiết/ thực hành: 15tiết
4		Ngoại ngữ 1	4/0/0		BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 60tiết
5		GD thể chất 1	0/2/0		BM Giáo dục thể chất		thực hành: 60tiết
6		Triết học	3/0/0		BM Lý luận chính trị		Lý thuyết: 45 tiết
7		Module 2.3: Một số vấn đề cơ sở		1,5/0,5/0	Các BM liên quan		lý thuyết: 22,5tiết/ thực hành: 15tiết
8		Module 4.1: Giao tiếp và GDSK trong thực hành điều dưỡng		5/1/0	Các BM liên quan	24/01/2022 - 26/6/2022	lý thuyết: 75tiết/ thực hành: 30tiết
9		Module 4.2: Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 1		3/2/1	Các BM liên quan		lý thuyết 45 tiết/ thực hành 60 tiết/ lâm sàng 45 tiết
10		Ngoại ngữ 2		4/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết: 60tiết
11		Tin học cơ bản		1/1/0	BM Toán - Tin		lý thuyết: 15tiết/ thực hành: 30tiết
		Tổng	**15,5/3,5/0**	**14,5/4,5/1**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

GV khối: Trịnh Anh Viên
Email: trinhanhvien@hmu.edu.vn

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI Y2 - HỆ CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG

1 Số lượng sinh viên: **75**

1.1. Số lớp học tập: **1**

1.2. Số tổ học tập: **4**

2 Môn học, giờ học (có bản kèm theo)

3 Khung chương trình:

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	HSC-4.3	Module 4.3: Đại cương trong chăm sóc điều dưỡng 2	3,5/2,5/4		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM	16/8/2021-13/2/2022	lý thuyết 52,5 tiết/ thực hành 75 tiết/ lâm sàng 180 tiết
2	NUR-5.1	Module 5.1: Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 1 (Hô hấp, tuần hoàn, nội tiết, huyết học)	4,5/0,5/6		Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM		lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 270 tiết
3	BCS-13.3	Giáo dục thể chất 3		0/1/0	BM Giáo dục thể chất		thực hành: 30tiết
4	NUR-5.2	Module 5.2: Điều dưỡng Nội - Ngoại khoa 2 (tiêu hóa, tiết niệu, cxk,thần kinh)		4,5/0,5/7	Khoa Điều dưỡng - Hộ sinh và các BM	14/2/2022-26/6/2022	lý thuyết 67,5 tiết/ thực hành 30 tiết/ lâm sàng 315 tiết
5	BSC11,3	Ngoại ngữ 3		2/0/0	BM Ngoại ngữ		lý thuyết 30 tiết
6	BCS-10	Giáo dục quốc phòng 1,2		5//0	BM Giáo dục quốc phòng		lý thuyết 75 tiết
		Tổng	**0/0/10**	**11,5/1,5/7**			

4 Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn: Phòng QLĐTĐH cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.

Giáo vụ khối: Nguyễn Thành Chung
Email: nguyenthanhchung@hmu.edu.vn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y HÀ NỘI
PHÂN HIỆU THANH HÓA

KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY KHỐI CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG
HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC KHOÁ 19 (TẠI PHÂN HIỆU THANH HOÁ)
(liên thông từ Cao đẳng, lớp học thứ 7 và CN)

1 **Số lượng sinh viên:** 39
1.1. Số lớp học tập: 1
1.2. Số tổ học tập: 2
2 **Môn học, giờ học** (có bản kèm theo)
3 **Khung chương trình:**

TT	Mã môn	Môn học	Số tín chỉ		Đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy	Thời gian học	Số tiết
			Kỳ I	Kỳ II			
1	ANAT00	Giáo dục quốc phòng *	2/0/2		BM Giáo dục quốc phòng	12-25/7/2021	
2	INFO00	Tổ chức và quản lý y tế	2/2/0		BM Tổ chức & Quản lý y tế	26/7-01/8	
3	LANG07	Nghiên cứu điều dưỡng	1/1/0		Khoa Điều dưỡng - hộ sinh	02-22/8	
4	LAWS00	Chăm sóc người bệnh truyền nhiễm	1/1/0		BM Sức khỏe môi trường	23/8-19/9	
5	PHYS00	Chăm sóc người bệnh cấp cứu và	1/0,75/0,25		BM Hồi sức cấp cứu	20/9-04/10	
6	PARA00	Chăm sóc sức khỏe phụ nữ, bà mẹ và gia	2/1/1		BM Phụ sản	01/11-28/11	
7	GENB03	Y học cổ truyền	2/1/1		BM Y học cổ truyền	08/11-28/11	
8	MICR00	Chăm sóc sức khỏe trẻ em	2/1/1		BM Nhi	29/11-19/12	
9	NURB00	Khoa học môi trường - Sức khỏe môi trường	3/2/1		BM Sức khỏe môi trường	20-26/12	
10	SKIL02	Sức khỏe nghề nghiệp	2/1/1		BM Sức khỏe nghề nghiệp	27/12/2021-02/01/2022	
11	COIN00	Chăm sóc sức khỏe tâm thần		2/1/1	BM Tâm thần	03-23/01	
12	DIEN00	Chăm sóc cho người cần được phục hồi		2/1/1	BM Phục hồi chức năng	24/01-13/02	
13	BIOC00	Tự chọn (SV chọn 1 trong 4 môn):		2/1/1	(Y học gia đình; Ung thư; Dị ứng -	14/02-06/3	
14	HIEM00	Thực tế tốt nghiệp		2/0/2	Khoa Điều dưỡng - hộ sinh	07/3-03/4	
15	PSYE00	Tốt nghiệp lâm sàng		2/0/2	Nội/Ngoại/Sản/Nhi	04/4-01/5	
16	PATI00	Khóa luận/ Học phần tốt nghiệp lý thuyết		5/0/5	Phòng QL.ĐT Đại học	02/5-29/5	
		Tổng	**18/10,75/7,25**	**15/8/7**			

4 **Lịch giảng dạy, lịch thi từng môn:** Phân hiệu cùng Bộ môn xây dựng cụ thể.
Thời gian học cụ thể áp dụng theo lịch chạy và thời khóa biểu.

Giáo vụ khối: Trịnh Anh Viên
Mail: trinhanhvien@hmu.edu.vn